

不眠夜 (118)

茫 茫 長 夜 不 能 眠
我 做 囚 詩 百 幾 篇
做 了 一 篇 常 擱 筆
從 籠 門 望 自 由 天

Phiên âm

BẤT MIÊN DẠ

*Mang mang trường dạ bất năng miên,
Ngã tố tù thi bách kỷ thiên;
Tố liễu nhất thiên thường các bút,
Tòng lung môn vọng tự do thiên.*

Dịch nghĩa

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Đêm dài mênh mang không ngủ được,
Ta làm thơ tù đã hơn trăm bài;
Làm xong mỗi bài thường gác bút,
Trông qua cửa tù, ngóng trời tự do.

Dịch thơ

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Năm canh thao thức không nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi;
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục, ngóng trời tự do.

NAM TRÂN *dịch*

久雨 (119)

九天下雨一天晴
可恨天公沒有情
鞋破路泥污了腳
仍須努力向前行

Phiên âm

CỬU VŨ

*Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình,
Khả hận thiên công một hữu tình!
Hài phá, lộ nê, ô liễu cước,
Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.*

Dịch nghĩa

MƯA LÂU

Chín ngày mưa, một ngày tạnh,
Đáng giận ông trời thật vô tình!
Giày rách, đường lầy, lấm cả chân,
Nhưng vẫn phải gắng sức đi lên phía trước.

Dịch thơ

MƯA LÂU

**Một ngày hừng nắng, chín ngày mưa,
Trời thật vô tình, đáng giận chưa!
Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,
Vẫn còn dấn bước dậm đường xa.**

NAM TRÂN *dịch*

惜 光 陰 (120)

蒼 天 有 意 挫 英 雄
八 月 消 磨 桎 梏 中
尺 璧 寸 陰 真 可 惜
不 知 何 日 出 牢 籠

Phiên âm

TÍCH QUANG ÂM

*Thương thiên hữu ý tóa anh hùng,
Bát nguyệt tiêu ma cốc trất trung;
Xích bích thốn âm chân khả tích,
Bất tri hà nhật xuất lao lung*.*

* Câu thơ này lấy từ một câu trong bài thơ nổi tiếng *Chí thành thông thánh* của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh làm năm 1905, nhằm thức tỉnh sĩ phu hướng ứng phong trào Duy Tân cứu nước.

Dịch nghĩa

TIẾC NGÀY GIỜ

Trời xanh cố ý hãm anh hùng
Tám tháng đã mòn mỏi trong chốn gông cùm;
Tắc bóng nghìn vàng, thật đáng tiếc,
Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao tù?

Dịch thơ

TIẾC NGÀY GIỜ

**Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng;
Tắc bóng nghìn vàng, đau xót thực,
Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung?**

NAM TRÂN *dịch*

讀 蔣 公 訓 詞 (121)

百折不回向前進
孤臣孽子義當然
決心苦幹與硬幹
自有成公的一天

Phiên âm

ĐỘC TƯỞNG CÔNG HUÂN TỪ

*Bách chiết bất hồi, hướng tiền tiến,
Cô thân nghịệt tử, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm, khổ cán dữ ngạnh cán,
Tự hữu thành công đích nhất thiên.*

Dịch nghĩa

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯỚNG*

Trăm nghìn gian khó không lùi, vẫn cứ tiến,
Phận tôi con bơ vơ nhà tan nước mất, cái nghĩa phải như vậy;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Ắt sẽ có một ngày thành công.

Dịch thơ

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯỚNG

**Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,
Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Nhất định thành công sẽ có phen.**

ĐỖ VĂN HỖ *dịch*

* Ông Tướng: Tức Tướng Giới Thạch, Tổng tư lệnh quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc lúc bấy giờ.

梁華盛將軍 (122)
升任副司令

昔 日 揮 軍 湘 浙 地
今 年 抗 敵 緬 滇 邊
顯 赫 威 名 寒 敵 胆
爲 公 預 訟 凱 旋 篇

Phiên âm

LƯƠNG HOA THỊNH TƯỚNG QUÂN
THĂNG NHẬM PHÓ TƯ LỆNH

*Tích nhật huy quân Tương, Chiết địa,
Kim niên, kháng địch Miến, Diên biên;
Hiển hách, uy danh hàn địch dõm,
Vị công dự tụng khái toàn thiên.*

Dịch nghĩa

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH^{*} THĂNG CHỨC PHÓ TƯ LỆNH

Ngày trước chỉ huy quân đội ở đất Tương và Chiết,^{**}
Năm nay chống giặc nơi biên giới Miến và Điện;^{***}
Uy danh lừng lẫy làm kẻ thù mất mặt,
Vì ông ca trước khúc khải hoàn.

Dịch thơ

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH THĂNG CHỨC PHÓ TƯ LỆNH

**Đốc quân ngày trước vùng Tương, Chiết,
Chống giặc năm nay mạn Miến, Điện;
Lừng lẫy uy danh, thù mất mặt,
Khải hoàn mừng trước, xướng thành thiên.**

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

^{*} *Lương Hoa Thịnh*: là Trung tướng, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Không được thăng chức Tư lệnh phó mà Trương Thát Khê làm Tư lệnh trưởng thì Thiếu tướng Hồ Chí Minh thay ông làm chủ nhiệm.

^{**} *Tương*: Tỉnh Hồ Nam; *Chiết*: Tỉnh Chiết Giang.

^{***} *Miến*: Miến Điện; *Điện*: Tỉnh Vân Nam.

贈 小 侯 (海) (123)

幼 而 學 也 壯 而 行
上 忠 黨 國 下 忠 民
儉 勤 勇 敢 和 廉 正
毋 負 梁 公 教 育 情

Phiên âm

TẶNG TIỂU HẦU (HẢI)

*Ấu nhi học dã, tráng nhi hành,
Thượng trung đảng, quốc, hạ trung dân;
Kiệm cần, dũng cảm hòa liêm chính,
Vô phụ Lương công giáo dục tình.*

Dịch nghĩa

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI)

Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành,
Trên trung với đảng và nước, dưới trung với dân;
Cần kiệm, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ cái tình dạy dỗ của ông Lương.

Dịch thơ

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI)

**Bé thì phải học, lớn thì hành,
Với dân, đảng, nước, dạ trung thành;
Kiệm cần, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.**

ĐỖ VĂN HỖ *dịch*

秋 感 (124)

熊 到 山 峰 晚 十 點
蟲 聲 斷 續 慶 秋 來
囚 人 不 管 秋 來 未
只 管 囚 籠 何 時 開

二 (125)

去 歲 秋 初 我 自 由
今 年 秋 首 我 居 囚
倘 能 裨 益 吾 民 族
可 說 今 秋 值 去 秋

Phiên âm

THU CẨM

I

*Hùng đảo sơn phong vãn thập điểm,
Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai;
Tù nhân bất quản thu lai vị,
Chỉ quản tù lung hà thời khai.*

II

*Khứ tuế thu sơ ngã tự do,
Kim niên thu thủ ngã cư tù;
Thảng nãg tì ích ngô dân tộc,
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.*

Dịch nghĩa

CẨM THU

I

Sao Bắc Đẩu lên đến đỉnh núi đã mười giờ đêm,
Tiếng trống dứt nổi mừng thu sang;
Người tù chẳng kể thu sang hay chưa,
Chỉ cần biết cửa tù ngày nào mở.

II

Đầu thu năm ngoái ta tự do,
Đầu thu năm nay ta ở tù;
Ví bằng giúp ích được cho dân tộc,
Thì có thể nói, thu nay cũng sánh ngang thu trước.

Dịch thơ

CẨM THU

I

Bắc Đẩu mười giờ ngang đỉnh núi,
Đế kêu khoan nhặt đón mừng thu;
Thân tù đâu thiết thu sang chữa,
Chỉ thiết hôm nao mở cửa tù.

II

Năm ngoái đầu thu ta tự do,
Năm nay thu đến ta trong tù;
Ví bằng giúp ích cho dân tộc,
Thu trước thu này, há kém nhau.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

因 肚 餓 (126)

從 前 送 飯 天 天 早
現 在 開 餐 遲 又 遲
況 復 時 間 不 一 定
十 十 一 或 十 二 時

Phiên âm

NHÂN ĐỒ NGÃ

*Tòng tiền tổng phạn thiên thiên tảo,
Hiện tại khai xan trì hựu trì;
Huống phục thời gian bất nhất định,
Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.*

Dịch nghĩa

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Trước đây ngày ngày đưa cơm rất sớm,
Bây giờ, bữa ăn đã muộn lại càng muộn;
Huống chi lại thêm thời gian không nhất định,
Lúc thì mười giờ, lúc lại mười một, hoặc mười hai giờ.

Dịch thơ

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Ngày ngày từ trước cơm đưa sớm,
Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;
Huống nữa thời gian không nhất định,
Mười giờ, mười một hoặc mười hai.

NAM TRÂN *dịch*

陳科員來探 (127)

一年只見兵和警
今日看見儒雅人
雅人使我心興奮
我髮黑反兩三分

Phiên âm

TRẦN KHOA VIÊN LAI THẨM

*Nhất niên chỉ kiến binh hòa cảnh,
Kim nhật khan kiến nho nhã nhân;
Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn,
Ngã phát hắc phản lưỡng tam phân.*

Dịch nghĩa

KHOA VIÊN HỌ TRẦN TỚI THĂM

Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát,
Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã;
Người nho nhã khiến lòng ta phấn chấn,
Tóc ta đen trở lại hai ba phần.

Dịch thơ

KHOA VIÊN HỌ TRẦN TỚI THĂM

**Lính tráng tuần canh nhìn nhẵn mặt,
Hôm nay mới được gặp văn nhân;
Người trông nho nhã, ai không thích,
Mái tóc ta xanh lại mấy phần.**

HUỆ CHI dịch

侯主任 (128)
恩贈一部書

頃承主任送書來
讀罷精神覺頓開
領袖偉言如在耳
天邊轟動一聲雷

Phiên âm

HÀU CHỦ NHIỆM^{*}
ÂN TẶNG NHẤT BỘ THƯ

*Khoảnh thừa chủ nhiệm tổng thư lai,
Độc bãi tinh thần giác đốn khai;
Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ,
Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.*

^{*} *Hầu Chủ Nhiệm*: Tức Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Cục Chính trị chiến khu IV, người đã trực tiếp thả Hồ Chí Minh theo lệnh của Tưởng Giới Thạch. Được tiếp xúc với Người, ông từng tỏ lòng mến phục.

Dịch nghĩa

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG MỘT BỘ SÁCH

Vừa rồi được Chủ nhiệm đưa sách đến cho,
Đọc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở mang;
Lời lãnh tụ như còn văng bên tai,
Khác nào một tiếng sấm ầm vang nơi chân trời.

Dịch thơ

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG MỘT BỘ SÁCH

Sách ngài Chủ nhiệm mới đưa sang,
Đọc đoạn, tinh thần chợt mở mang;
Còn văng bên tai lời lãnh tụ,
Chân trời một tiếng sấm rền vang.

ĐỖ VĂN HỠ *dịch*

蒙上令 (129)
准出籠活動

久間兩腳軟如綿
今試行行屢欲顛
片刻已聞班長喊
返來不準再遲延

Phiên âm

MÔNG THUỘNG LỆNH
CHUẨN XUẤT LUNG HOẠT ĐỘNG

*Cửu nhàn lưỡng cước nhuyễn như miên,
Kim thí hành hành lữ dục điên;
Phiến khắc dĩ văn Ban trưởng hám:
"Phản lai, bất chuẩn tái trì diên".*

Dịch nghĩa

ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO ĐI LẠI NGOÀI BUỒNG GIAM

Nhàn rồi lâu ngày, hai chân mềm như bông,
Nay mới đi thử vài bước đã lão đảo mấy lần chực ngã;
Chốc lát đã nghe Ban trưởng quát:
"Quay lại! Không được dềnh dàng nữa!".

Dịch thơ

ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO ĐI LẠI NGOÀI BUỒNG GIAM

Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn,
Đi thử, hôm nay muốn ngã quay;
Chốc lát đã nghe cai ngục quát:
"Không dềnh dàng nữa, phải vào ngay!".

ĐỖ VĂN HỖ *dịch*

秋 夜 (130)

門	前	衛	士	執	槍	立
天	上	殘	雲	傍	月	飛
木	虱	縱	橫	如	坦	克
蚊	蟲	聚	散	似	飛	機
心	懷	故	國	千	塘	路
夢	繞	新	愁	萬	縷	絲
無	罪	而	囚	已	一	載
老	夫	和	淚	寫	囚	詩

Phiên âm

THU DẠ

*Môn tiên vệ sĩ chấp thương lập,
Thiên thượng tàn vân bạng nguyệt phi;
Mộc sắt tung hoành như thản khắc*,
Mân trùng tỵ tán tự phi ky (cơ);
Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ**,
Mộng nhiều tâm sâu, vạn lữ tị;
Vô tội nhi tù dĩ nhất tải,
Lão phu hòa lệ tả tù thi.*

* *Thản khắc*: Phiên âm tiếng Anh "tank" là xe tăng.

** Trong câu này có ba chữ "thiên đường lộ" trong đó chữ "đường" là một đơn vị có chiều dài tính đường đi của Quảng Tây. Mỗi "đường" là một dặm. Do đó cụm từ này có nghĩa là đường xa hàng nghìn dặm, chứ không phải là muôn nghìn nẻo đường.

Dịch nghĩa

ĐÊM THU

Trước cửa lính gác bông súng đứng,
Trên trời đám mây tàn bay bên vầng trăng;
Lũ rệp bò ngồn ngang như xe tăng,
Đàn muỗi lúc tụ lúc tán như máy bay;
Lòng nhớ cố quốc cách xa nghìn trùng,
Giấc mộng vẫn vương mối sầu mới như vụn mối tơ;
Vô tội mà ở tù đã một năm nay,
Già này hòa nước mắt viết thơ tù.

Dịch thơ

ĐÊM THU

**Trước cửa lính canh bông súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây;
Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.**

NAM TRẦN *dịch*

晴天 (131)

事物循環原
有晴天必解
淋錦帶爭興
自定天服毡
笑言奮然
雨天之宇後
宙山河清潤
物來
萬里山風枝
萬甘
日暖高枝萬
甘
樹高和盡
人苦

Phiên âm

TÌNH THIÊN

*Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;
Phiến thì vũ trụ giải lâm phục,
Vạn lý sơn hà sái cảm chiêm;
Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận điều tranh nghiên (ngôn);
Nhân hòa vạn vật đồ hưng phấn,
Khổ tận cam lai, lý tự nhiên.*

Dịch nghĩa

TRỜI HƯNG

Sự vật vẫn xoay vần định sẵn,
Sau ngày mưa tấp đến ngày nắng;
Trong chốc lát, vũ trụ đã cởi bộ áo ướt,
Muôn dặm non sông phơi màu chần gấm;
Trời ấm, gió nhẹ, hoa chúm chím cười,
Cây cao, cành mượt, chim đua hót;
Người cùng muôn vật đều phấn chấn,
Hết khổ đến sướng là lẽ tự nhiên.

Dịch thơ

TRỜI HƯNG

Sự vật vẫn xoay đà định sẵn,
Hết mưa là nắng hửng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cành tươi;
Người cùng vạn vật đều phơi phơi,
Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

NAM TRÂN *dịch*

看 “ 千 家 詩 ” 有 感 (132)

古 詩 偏 愛 天 然 美
山 水 烟 花 雪 月 風
現 代 詩 中 應 有 鐵
詩 家 也 要 會 衝 鋒

Phiên âm

KHÁN "THIÊN GIA THI" HỮU CẢM

*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ,
Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong;
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.*

Dịch nghĩa

CẢM TƯỞNG ĐỌC "THIÊN GIA THI"*

Thơ xưa nghiêng về yêu cảnh đẹp thiên nhiên,
Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trắng, gió;
Trong thơ thời nay nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Dịch thơ

CẢM TƯỞNG ĐỌC "THIÊN GIA THI"

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

NAM TRÂN dịch

* *Thiên gia thi*: Tập thơ của "nghìn nhà thơ". Ở Trung Quốc có hai tuyển tập thơ Đường - Tống được mang tên "*Thiên gia thi*". Tập đầu do Lưu Khắc Trang đời Tống tuyển chọn, lấy tên *Đường - Tống thiên gia thi tuyển*, tập sau do Tạ Phương Bắc cuối đời Tống tuyển lại tập trước, gọi là *Thiên gia thi*. Có lẽ Hồ Chí Minh đã đọc tập thơ sau này.

即景 (133)

樹稍巧畫張飛像
赤日長明關羽心
祖國終年無信息
故鄉每日望回音

Phiên âm

TỨC CẢNH

*Thụ sao xảo họa Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.*

Dịch nghĩa

TỨC CẢNH

Ngọn cây khéo vẽ hình Trương Phi*
Mặt trời hồng sáng mãi lòng Quan Vũ**;
Tổ quốc suốt năm không tin tức,
Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày.

Dịch thơ

TỨC CẢNH

**Cành lá khéo in hình Dục Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.**

NAM TRÂN *dịch*

*. ** Trương Phi và Quan Vũ là hai danh tướng nhà Thục Hán đời Tam quốc. Trương Phi nổi tiếng về tính cương trực, dũng mãnh. Quan Vũ nổi tiếng về các đức tính: tín, nghĩa, trung, dũng. Hai người cùng là anh em kết nghĩa của Lưu Bị.

結 論 (134)

幸 遇 英 明 侯 主 任
而 今 又 是 自 由 人
獄 中 日 記 從 今 止
深 謝 侯 公 再 造 恩

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

Phiên âm

KẾT LUẬN

*Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,
Nhi kim hựu thị tự do nhân;
Ngục trung nhật ký tòng kim chỉ,
Thâm tạ Hầu công tái tạo ân.*

Hoàn

29-8-1942; 10-9-1943

Dịch nghĩa

KẾT LUẬN

May mắn được gặp Chủ nhiệm họ Hầu sáng suốt,
Mà nay ta lại là người tự do;
Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,
Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu.

Hết

29-8-1942 ; 10-9-1943

Dịch thơ

KẾT LUẬN

Sáng suốt, nhờ ơn Hầu Chủ nhiệm,
Tự do trở lại với mình rồi;
Ngục trung nhật ký từ đây dứt,
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.

Hết

29-8-1942 ; 10-9-1943
KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

新出獄學登山 (135)

雲擁重山山擁雲
江心如鏡淨無塵
徘徊獨步西峰嶺
遙望南天憶故人

Phiên âm

TÂN XUẤT NGỤC, HỌC ĐĂNG SƠN*

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

* Bài thơ này nguyên không có đầu đề, cũng không có trong tập *Ngục trung nhật ký*, vì được sáng tác sau khi tác giả đã ra tù. Trong hồ sơ còn lưu giữ ở Viện Văn học có bút tích của chính tác giả viết đầu đề này gửi cho Tiểu ban biên tập vào đầu năm 1960. Vậy, có thể đây là đầu đề do tác giả mới đặt về sau.

Dịch nghĩa

MỎI RA TỪ, TẬP LEO NÚI

Mây ôm đầy núi, núi ôm mây,
Lòng sông như gương, không chút bụi;
Một mình bồi hồi dạo bước trên đỉnh núi Tây Phong
Trông về phía trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.

Dịch thơ

MỜI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Mây ôm núi núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng;
Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai.

T. LAN *dịch*^{*}

^{*} Bản dịch này của T.Lan in trong tập *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. In lần thứ hai, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 84.

Phần II
NHỮNG BÀI THƠ KHÁC

QUỐC TẾ CA^{*}

Diệp khúc:

Trận này là trận cuối cùng
Ầm ầm đoàn lực, ùng ùng đảng cơ.
lanhtécnaxiônanlơ
Ấy là nhân đạo, ấy là tự do.

Đoạn I

Hỡi ai nô lệ trên đời,
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha!
Cuộc đời này đã đổi ra,
Xưa kia con ở nay là chủ ông!

^{*} Nguyễn Công Thu, Vương Thúc Oanh, Phan Trọng Bình và Phan Trọng Quảng, những người này học ở Quảng Châu đã xác nhận được hát bài này từ năm 1926. Bản chữ ký xác nhận, lưu tại Bảo tàng cách mạng.

Đoạn II

Công nông ta có đảng to,
Có nhờ ta mới có kho có tài.
Trời sinh đất đẻ cho người,
Những đồ lười biếng thì mời đi đi,
Những đồ ăn xổi ở thì,
Mình làm chúng hưởng lẽ gì xưa nay.
Nếu đem diệt sạch lũ này,
Mặt trời vẫn cứ ngày ngày xuân dung!

Đoạn III

Việc ta ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời phật chẳng nhờ thần linh.
Công nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do bình đẳng vẹn tuyền cả hai.
Thụt lò ta phải ra tay,
Sắt kia đang nóng đập ngay mà dùng!

Dịch năm 1925

Theo bài in trong sách *Thơ ca cách mạng 1925-1945*
Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr. 111-112.

PÁC BÓ² HÙNG VĨ

Non xa xa, nước xa xa.
Nào phải thêm thang mới gọi là.
Đây suối Lênin, kia núi Mác.
Hai tay xây dựng một sơn hà.

Tháng 2 năm 1941

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.9.

TỨC CẢNH PÁC BÓ

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2 năm 1941

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.10

* Hồi ở Pác Bó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* ra tiếng Việt làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng.

KHUYÊN ĐỒNG BÀO MUA BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP³

Đế quốc Pháp thật là ác nghiệt
Làm dân ta như điếc, như mù,
Làm ta dờ dại dờ ngu,
Biết gì việc nước biết đâu việc đời.
Báo "Độc lập" hợp thời đệ nhất,
Làm cho ta mở mắt mở tai.
Cho ta biết đó biết đây,
Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian:
Cho ta biết kết đoàn tổ chức.
Cho ta hay sức lực của ta
Cho ta biết chuyện gần xa.
Cho ta biết nước non ta là gì.
Ai không chịu ngu si mù tối,
Ắt phải xem báo ấy mới nên;
Giúp cho báo ấy vững bền.
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi.
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời!

Báo Việt Nam độc lập
số 101, ngày 1-8-1941

VIỆT NAM ĐỘC LẬP*

"Việt Nam độc lập" thổi kèn loa.
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Đề cùng nhau cứu nước Nam ta!

Báo *Việt Nam độc lập*
số 103, ngày 21-8-1941

* Bài thơ này đặt dưới bức tranh cổ động cho báo *Việt Nam độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh vẽ, in trên báo *Việt Nam độc lập*.

DÂN CÀY

Thương ôi! những kẻ dân cày,
Chân bùn tay lấm suốt ngày gian lao,
Lại còn thuế nặng sưu cao.
Được đồng nào đều lọt vào túi Tây.
Dân ta không có ruộng cày,
Bao nhiêu đất tốt về tay đồn điền.
Lại còn phu dịch, tàn phiền.
Làm chết xác được đồng tiền nào đâu!
Thân người chẳng khác thân trâu.
Cái phần no ấm có đâu đến mình!
Muốn phá sạch mọi bất bình,
Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào.
Để cùng toàn quốc đồng bào,
Đánh Pháp, Nhật, gây phong trào tự do.
Nhịp này là nhịp trời cho,
Lo cứu nước tức là lo cứu mình.
Mai sau thực hiện chương trình:
Việt Nam nông dân tất canh kỳ điền*

Báo Việt Nam độc lập
số 103, ngày 21-8-1941.

* Nghĩa là theo Chương trình Việt Minh, nông dân ai cũng có ruộng cày.

PHỤ NỮ

Việt Nam phụ nữ đời đời
Nhiều người vì nước, vì nòi hy sinh.
Ngàn thu rạng tiếng Bà Trưng,
Ra tay cứu nước, cứu dân đến cùng.
Bà Triệu Âu thật anh hùng,
Cưỡi voi đánh giặc, vẫy vùng bốn phương.
Mấy năm cách mệnh khẩn trương,
Chị em phụ nữ thường thường tham gia.
Mấy phen tranh đấu xông pha,
Lòng vàng gan sắt nào đã kém ai?
Kìa như chị Nguyễn Minh Khai
Bị làm án tử đến hai ba lần.
Bây giờ cơ hội đã gần,
Đánh Tây, đánh Nhật, cứu dân nước nhà.
Chị em cả trẻ đến già
Cùng nhau đoàn kết đặng mà đấu tranh.
Đua nhau vào hội Việt Minh
Trước giúp nước, sau giúp mình mới nên.
Làm cho thiên hạ biết tên
Làm cho rõ mặt cháu Tiên, con Rồng.

Báo Việt Nam độc lập
số 104, ngày 1-9-1941

TRẺ CON

Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan,
Chẳng may vận nước gian nan,
Trẻ em cũng bị bận thân cực lòng.
Học hành, giáo dục đã không,
Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa.
Sức còn yếu, tuổi còn thơ,
Mà đã khó nhọc cũng như người già!
Có khi lìa mẹ, lìa cha,
Đi ăn ở với người ta bên ngoài.
Vì ai mà đến thế này?
Vì giặc Nhật với giặc Tây bạo tàn!
Khiến ta nước mất, nhà tan,
Trẻ em cũng phải cơ hàn xót xa.
Vậy nên con trẻ nước ta
Phải *đoàn kết* lại đặng mà đấu tranh!
Kẻ lớn *cứu quốc* đã đành,
Trẻ em cũng phải ra dành một vai.
Bao giờ đánh đuổi Nhật, Tây,
Trẻ em ta sẽ là bấy con cưng.

Báo Việt Nam độc lập
số 106, ngày 21-9-1941

CÔNG NHÂN

Thành ai đắp, lâu ai xây?
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng?
Bao nhiêu của cải kho tàng,
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên?
Công nhân sức mạnh nghề quen,
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.
Mà mình quần rách áo xơ,
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm.
Lại còn đánh chửi tàn phiền,
Cúp lương tháng trước, phạt tiền hôm qua.
Càng nghĩ lại, càng xót xa,
Vì ta mất nước, mà ta phải hèn
Để cho Pháp, Nhật lộng quyền,
Thẳng tay bóc lột thợ thuyền nước ta!
Thợ thuyền ta phải đứng ra,
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình.
Cùng nhau vào hội Việt Minh,
Ra tay tranh đấu hy sinh mới là.
Bao giờ khôi phục nước nhà,
Của ta ta giữ, công ta ta làm.

Báo Việt Nam độc lập số 108,
ngày 11-10-1941



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc báo cáo chính trị tại
Hội nghị Chính trị đặc biệt (27/3/1964)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

MƯỜI CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT MINH⁴

Việt Nam độc lập đồng minh
Có bản chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền:
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta.
Có mười chính sách bày ra,
Một là ích nước, hai là lợi dân.
Bao nhiêu thuế ruộng, thuế thân,
Đều đem bỏ hết cho dân khỏi phiền.
Hội hè, tín ngưỡng, báo chương,
Hợp hành, đi lại, có quyền tự do.
Nông dân có ruộng, có bò,
Đủ ăn, đủ mặc, khỏi lo cơ hàn.
Công nhân làm lụng gian nan,
Tiền lương phải đủ, mỗi ban tám giờ.

Gặp khi tai nạn bất ngờ,
Thuốc thang Chính phủ bấy giờ giúp cho.
Thương nhân buôn nhỏ, bán to,
Môn bài thuế ấy bỏ cho phi nguyên.
Nào là những kẻ chức viên,
Cải lương đãi ngộ cho yên tấm lòng.
Binh lính giữ nước có công,
Được dân trọng đãi, hết lòng kính yêu.
Thanh niên có trường học nhiều,
Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nhò.
Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ, đều cho bình quyền.
Người tàn tật, kẻ lão niên,
Đều do Chính phủ cấp tiền ăn cho.
Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,
Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy.

Muốn cho đạt mục đích này,
Chúng ta trước phải ra tay kết đoàn.
Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh hội có muôn vàn hội viên.
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có hội Việt Minh
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Rời ra sự nghiệp hoàn thành,
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Khuyên ai xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.

Năm 1941

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, Tr. 14-16.

CA BINH LÍNH

Hai tay cầm khẩu súng dài,
Nhắm đi nhắm lại, bắn ai thế này?
Bắn vào quân Nhật, quân Tây,
Lũ cướp nước, lũ đọa đầy dân ta,
Lũ không yêu trẻ, kính già,
Lũ cướp đất, lũ đốt nhà xôn xao,
Lũ đòi sưu nặng, thuế cao,
Lũ đi vợ vét đồng bào Việt Nam.
Bắn được chúng, chết cũng cam,
Vì mình dù chết, nước Nam vẫn còn!
Hay vì chút lợi cón con,
Cái bằng cứu phẩm, cái lon đội nhì,
Nhắm vào cách mạng bắn đi,
Quản chi nhân nghĩa, quản chi giống nòi!
Anh em binh lính ta ơi!
Chúng ta cùng giống, cùng nòi Việt Nam;
Việc chi lợi nước thì làm,
Cứu dân cứu quốc há cam kém người!
Trong tay đã sẵn súng này,
Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành.
Tiếng thơm sẽ tạc sử xanh:
"Việt binh cứu quốc" rạng danh muôn đời!

*Báo Việt Nam độc lập,
số 110, ngày 1-11-1941*

CA ĐỘI TỰ VỆ

I

Gươm dao ta
Đem mài đi
Mài cho bén
Mài cho sắc
Nhật ta đâm
Tây ta chặt.

II

Sắp hàng ra
Xung phong lên!
Người ta đông.
Chí ta bền
Việc giải phóng
Nhất định nên.

Cách hát:

- Chia người làm 2 tổ, 4 câu trên, tổ A hát trước, hát giọng cao (nếu có phụ nữ thì phụ nữ là tổ A); tổ B hát giọng thấp theo sau. Những chữ BÉN, SẮC, ĐÔNG, BỀN phải hát dài như BE - ÉN, SA - SẮC, Đ - ÔNG, BÊ - ÈN.
 - Hai câu sau cùng thì cả tổ đều hát với nhau. Chữ CHẶT và NÊN phải hát rất mạnh
- Ví dụ: Tổ A hát: Gươm dao ta.
Tổ B hát: Gươm đào tà.

Báo Việt Nam độc lập,
số 117, ngày 1-2-1942.

LỊCH SỬ NƯỚC TA

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.
Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hòa.
Hồng Bàng là tổ nước ta.
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.
Thiếu niên ta rất vẻ vang,
Trẻ con *Phù Đổng* tiếng vang muôn đời.
Tuổi tuy chưa đến chín mươi,
Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.
An Dương Vương thế *Hùng Vương*,
Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân.
Nước Tàu cậy thế đông người,
Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam,
Quân Tàu nhiều kẻ tham lam.
Dân ta há dễ chịu làm tôi người?
Hai Bà Trưng có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa giết người tà gian,
Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm dài tạc đá vàng nước ta.
Tĩnh Thanh Hóa có một bà,
Tên là *Triệu Ẩu* tuổi vừa đôi mươi,
Tài năng dũng cảm hơn người,
Khởi binh cứu nước muôn đời lưu phương.

Phụ nữ ta chẳng tầm thường,
 Đánh Đông, dẹp Bắc làm gương để đời,
 Kể gần sáu trăm năm giờ,
 Ta không đoàn kết bị người tính thôn*.
 Anh hùng thay ông *Lý Bôn*,
 Tài kiêm văn võ, sức hơn muôn người,
 Đánh Tàu đuổi sạch ra ngoài.
 Lập nên triều *Lý* sáu mươi năm liền.
 Vì *Lý Phật Tử* ngu hèn,
 Để cho tàu lại xâm quyền nước ta.
 Thương dân cực khổ xót xa,
 Ông *Mai Hắc Đế* đứng ra đánh Tàu,
 Vì dân đoàn kết chưa sâu,
 Cho nên thất bại trước sau mấy lần.
Ngô Quyền quê ở Đường Lâm,
 Cứu dân ra khỏi cát lầm ngàn năm.
 Đến hồi Thập nhị sứ quân**
 Bốn phương loạn lạc, muôn dân cơ hàn.
 Động Hoa Lư có *Tiên Hoàng*,
 Nổi lên gây dựng triều đình họ Đinh.
 Ra tài kiến thiết kinh dinh,
 Đến vua *Phế Đế* chỉ kinh hai đời.
Lê Đại Hành nổi lên ngôi.
 Đánh tan quân Tống, đuổi lui Xiêm Thành.

* Tính thôn là nuốt sống. (Chú thích đánh số có kèm theo * là của nguyên bản).

** 12 tướng nổi lên giữ 12 vùng.

Vì con bạo ngược hoành hành,
Ra đời thì đã tan tành nghiệp vương.
Công Uẩn là kẻ phi thường,
Dựng lên nhà Lý cầm quyền nước ta.
Mở mang văn hóa nước nhà,
Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.
Lý Thường Kiệt là hiền thần,
Đuổi quân nhà Tống, phá quân Xiêm Thành.
Tuổi già phỉ chí công danh,
Mà lòng yêu nước trung thành không phai.
Họ Lý truyền được chín đời,
Hai trăm mười sáu năm giờ thì tan.
Nhà Trần thống trị giang san,
Trị yên trong nước, đánh tan địch ngoài,
Quân Nguyên binh giỏi tướng tài:
Đánh đâu được đấy, đông dài Á, Âu,
Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao Ly, lấy nước Tàu bao la,
Lăm le muốn chiếm nước ta,
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thùi,
Hải quân theo bể kéo đi,
Hai đường vây kín Bắc Kỳ như nen*
Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm, hợp lực mấy phen đuổi Tàu.
Ông *Trần Hưng Đạo* cầm đầu,
Dùng mưu du kích đánh Tàu tan hoang,
Mênh mông một dải Bạch Đằng,
Nghìn thu soi rạng dòng quang vinh,

* Nen: Trong bản in lần thứ hai sửa thành nê.

Hai lần đại phá Nguyên binh,
 Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời.
Quốc Toản là trẻ có tài,
 Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền,
 Máy lần đánh thắng quân Nguyên,
 Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung.
 Thật là một đấng anh hùng,
 Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo.
 Đời Trần văn giỏi võ nhiều,
 Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh.
 Mười hai đời được hiển vinh,
 Đến Trần Phế Đế nước mình suy vi.
 Cha con nhà *Hồ Quý Ly*,
 Giết vua tiếm vị một kỳ bảy niên.
 Tình hình trong nước không yên,
 Tàu qua xâm chiếm giữ quyền mấy lâu,
 Bao nhiêu của cải trên châu,
 Chúng vơ vét chở về Tàu sạch trơn.
Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn,
 Mặc dầu tướng ít binh đơn không nần.
 Máy phen sông Nhị núi Lam,
 Thanh gươm yên ngựa Bắc Nam ngang tàng.
 Kia Túy Động nọ Chi Lăng,
 Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.
 Mười năm sự nghiệp hoàn thành,
 Nước ta thoát khỏi cái vành nguy nan.
 Vì dân hăng hái kết đoàn,
 Nên khôi phục chóng giang san Lạc Hồng.

Vua hiền có *Lê Thánh Tôn*,
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.
Trăm năm truyền đến cung hoàng,
Mạc Đăng Dung đã hoành hành chiếm ngôi
Bấy giờ trong nước lồi thoi,
Lê Nam, Mạc Bắc rạch đôi san hà,
Bảy mươi năm nạn can qua^{*}
Cuối đời mười sáu^{**} Mạc đà suy vi
Từ đời mười sáu^{**} trở đi,
Vua Lê, chúa Trịnh chia vì khá lâu^{***}
Nguyễn Nam, Trịnh Bắc đánh nhau,
Thấy dân cực khổ mà đau đón lòng.
Dân gian có kẻ anh hùng,
Anh em *Nguyễn Nhạc* nổi vùng Tây Sơn,
Đóng đô ở đất Quy Nhơn,
Đánh tan Trịnh, Nguyễn, cứu dân đảo huyện^{****}
Nhà Lê cũng bị mất quyền,
Ba trăm sáu chục năm truyền vị vương.
Nguyễn Huệ là kẻ phi thường,
Mấy lần đánh đuổi giặc Xiêm, giặc Tàu,
Ông đà chí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.
Cho nên Tàu dẫu làm hung,
Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.

* Can qua là chiến tranh.

** Thế kỷ XVI.

** Thế kỷ XVI.

*** 216 năm.

**** Trao ngược.

Tướng Tây Sơn có một bà,
 Búi là nguyên họ, tên là *Thị Xuân*,
 Tay bà thống đốc ba quân,
 Đánh hơn mấy trận, địch nhân liệt là.
Gia Long lại dấy can qua,
 Bị Tây Sơn đuổi, chạy ra nước ngoài.
 Tự mình đã chẳng có tài,
 Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
 Nay ta mất nước thế này,
 Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà,
 Khác gì cồng rắn cắn gà,
 Rước voi dấy mã, thiệt là ngu si.
 Từ năm Tân Hợi trở đi,
 Tây đà gây chuyện thị phi* với mình.
 Vậy mà vua chúa triều đình,
 Khư khư cứ tưởng là mình khôn ngoan.
 Nay ta nước mất nhà tan
 Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.
 Năm Tự Đức thập nhất niên**,
 Nam Kỳ đã lọt dưới quyền giặc Tây.
 Hăm lăm năm sau trận này,
 Trung Kỳ cũng mất, Bắc Kỳ cũng tan,

* Thị phi là lời thôi.

** *Tự Đức thập nhất niên* là năm 1858. Đó là năm thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Trong phần *Những năm quan trọng*, có ghi "*Năm 1847... Tây bắt đầu đánh ta*". Ở đây, tác giả nói đến sự kiện hai chiến hạm Pháp vào vùng biển Đà Nẵng đã ngang nhiên bắn đắm mấy chiến thuyền Việt Nam.

Ngàn năm gấm vóc giang san,
Bị vua họ Nguyễn đem hàng cho Tây!
Tội kia càng đắp càng đầy,
Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Nước ta nhiều kẻ tôi trung,
Tấm lòng tiết nghĩa rạn cùng tuyết sương.
Hoàng Diệu với *Nguyễn Tri Phương*,
Cùng thành còn mất làm gương để đời.
Nước ta bị Pháp cướp rồi,
Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lầy lừng;
Trung Kỳ đảng *Phan Đình Phùng*
Ra tay đánh Pháp, vẫy vùng một phương.
Mấy năm ra sức *Cần Vương**,
Bọn ông *Tán Thuật* nổi đường *Hung Yên*,
Giang san độc lập một miền,
Ông *Hoàng Hoa Thám* đất *Yên* tung hoành.
Anh em *khố đỏ, khố xanh*,
Mưu khởi nghĩa tại *Hà thành* năm xưa,
Tỉnh *Thái Nguyên* với *Sầm Nưa*,
Kế nhau khởi nghĩa rủi chưa được toàn.
Kìa *Yên Bái*, nọ *Nghệ An*
Hai lần khởi nghĩa tiếng vang hoàn cầu.
Nam Kỳ im lặng đã lâu,
Năm kia khởi nghĩa đương đầu với Tây.
Bắc Sơn đó, *Đô Lương* đây!
Kéo cờ khởi nghĩa đánh Tây bạo tàn.

* *Cần Vương* là giúp vua *Hàm Nghi* đánh Tây.

Xét trong lịch sử Việt Nam,
 Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
 Nhiều phen đánh bắc dẹp đông,
 Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên.
 Ngày nay đến nỗi nghèo hèn,
 Vì ta chỉ biết lo yên một mình.
 Để người đẽ nén, xem khinh,
 Để người bóc lột ra tình tôi người!
 Bây giờ Pháp mất nước rồi,
 Không đủ sức, không đủ người trị ta.
 Giặc Nhật Bản thì mới qua,
 Cái nền thống trị chưa qua mỗi nhà.
 Lại cùng Tàu, Mỹ, Hà, Anh,
 Khắp nơi có cuộc chiến tranh rầy rà.
 Ấy là nhíp tốt cho ta,
 Nổi lên khôi phục nước nhà tô tông.
 Người chúng ít, người mình đông
 Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên.
 Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
 Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.
 Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu,
 Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.
 Người giúp sức, kẻ giúp tiền,
 Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta.
 Trên vì nước, dưới vì nhà,
 Ấy là sự nghiệp, Ấy là công danh.
 Chúng ta có hội Việt Minh
 Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh

Mai sau sự nghiệp hoàn thành
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng
Dân ta xin nhớ chữ đồng:
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!

NHỮNG NĂM QUAN TRỌNG*

Trước Tây lịch

Năm

2879	Hồng Bàng
111	Tàu lấy nước ta lần đầu

Sau Tây lịch

40	Hai Bà Trưng đánh Tàu
248	Bà Triệu Âu khởi nghĩa
544	Vua Lý đánh Tàu
603	Tàu lấy nước ta.
939	Vua Ngô khởi nghĩa
968	Đời Vua Đinh (12 năm)
981	Đời Vua Tiên Lê (29 năm)
1010	Đời Vua Hậu Lý (215 năm)
1073	Lý Thường Kiệt đánh Tàu
1225	Đời Vua Trần (175 năm)
1283	Trần Hưng Đạo đánh Tàu

* In theo đúng nguyên bản.

1407	Tàu lấy nước ta
1427	Vua Lê khởi nghĩa
1543	Đời Vua Hậu Lê (360 năm)
1545	Vua Lê Chúa Trịnh
1771	Đời Vua Tây Sơn (24 năm)
1789	Vua Nguyễn Huệ đánh Tàu
1794	Gia Long thông với Tây
1847	Tây bắt đầu đánh nước ta
1862	Vua nhà Nguyễn bắt đầu hàng Tây
1889	Ông Đề Thám khởi nghĩa
1893	Ông Phan Đình Phùng khởi nghĩa
1916	Trung Kỳ khởi nghĩa
1917	Thái Nguyên, Sầm Nưa khởi nghĩa
1930	Yên Bái, Nghệ An khởi nghĩa
1940	Bắc Sơn và Đô Lương khởi nghĩa
1941	Nam Kỳ khởi nghĩa
1945	Việt Nam độc lập*

Tài liệu gốc lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

* Năm 1945 là tác giả đoán trước.

CA SỢI CHỈ

Mẹ tôi là một đóa hoa,
Thân tôi trong sạch, tôi là cái *bông*.
Xưa tôi yếu ớt vô cùng,
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời.
Khi tôi đã thành *chỉ* rồi,
Cũng còn yếu lắm, ăn ngồi không ngon,
Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khôn thiêng có biết vuông tròn cho chẳng!
Càng dài lại càng mỏng manh,
Thế gian ai sợ chỉ anh chỉ xoàng!
Nhờ tôi có nhiều đồng bang,
Hợp nhau sợi dọc, sợi ngang rất nhiều.
Dệt nên tấm lụa mỹ miều,
Đã bền hơn lụa, lại điều^{1*} hơn da
Đó ai bút xé cho ra,
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.

*

* *

Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Việt Minh hội ấy mau mau phải vào.

Báo Việt Nam độc lập,
số 122, ngày 1-4-1942.

^{1*} *Điều*, có nghĩa là được tiếng.

HÒN ĐÁ

Hòn đá to,
Hòn đá nặng,
Chỉ một người,
Nhắc không đặng.

Hòn đá nặng,
Hòn đá bền,
Chỉ ít người,
Nhắc không lên.

Hòn đá to,
Hòn đá nặng,
Nhiều người nhắc,
Nhắc lên đặng.

Biết đồng sức,
Biết đồng lòng,
Việc gì khó,
Làm cũng xong.

Đánh Nhật, Pháp,
Giành tự do,
Là việc khó,
Là việc to.

Nếu chúng ta
Biết đồng lòng
Thì việc đó
Quyết thành công.

Báo Việt Nam độc lập,
số 123, ngày 21-4-1942.

上山

六 月 二 十 四
上 到 此 山 來
舉 頭 紅 日 近
對 岸 一 支 梅

Phiên âm

THƯỜNG SƠN

*Lục nguyệt nhị thập tứ,
Thường đảo thử sơn lai.
Cử đầu hồng nhật cận,
Đối ngạn nhất chi mai.*

Lũng Dẻ, 1942

Dịch nghĩa

LÊN NÚI

Ngày hai mươi bốn tháng sáu,
Lên đến núi này.
Ngẩng đầu thấy mặt trời đỏ gần lại,
Bờ bên kia có một nhành mai.

Lũng Dê, 1942

*Dịch thơ**

LÊN NÚI

**Hai mươi tư tháng sáu,
Lên ngọn núi này chơi.
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ,
Bên suối một nhành mai.**

Theo bài in trong: *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr.14

* Bản dịch thơ của Tố Hữu

CON CÁO VÀ TỔ ONG

Tổ ong lũng lảng trên cành,
Trong đây mật nhộng, ngon lành lắm thay!
Cáo già nhè nhẹ lên cây,
Định rằng lấy được ăn ngay cho dòn.
Ong thấy cáo muốn cướp con,
Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta.
Châm đầu, châm mắt cáo già,
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi.

*

Ong kia yêu giống, yêu nòi,
Đồng tâm, hợp lực đuổi loài cáo đi.
Bây giờ ta thử so bì,
Ong còn đoàn kết, huống chi là người!
Nhật, Tây áp bức giống nòi,
Ta nên *đoàn kết* để đòi tự do.

Báo Việt Nam độc lập,
số 130, ngày 1-7-1942.

TẶNG THỐNG CHẾ PÊTANH

Vận mệnh Lang Sa* lúc chẳng lành,
Pêtanh lão tướng hóa hôi tanh,
Cúi đầu, quỳ gối, hàng quân Đức,
Trợn mắt, nhăn mày, chửi nước Anh.
Bán nước lại còn khoe cứu nước,
Ô danh mà muốn được thơm danh.
Già mà như chú, già thêm đại,
Tiếng xấu muôn đời nhuốc sử xanh.

Báo Việt Nam độc lập,
số 131, ngày 11-7-1942.

* Nước Pháp.

NHÓM LỬA

Lúc leo lét bắt đầu nhóm lửa,
Biết bao nhiêu là sự khó khăn?
Chỉ đều hiu một mảy gió xuân,
Cũng lo sợ lửa khi tắt mất.
Nghỉ ngút khói, mặc dầu thôi quạt,
Che một bên lại tạt một bên,
Khi lửa đà chắc chắn bén lên,
Thì mưa gió, chi chi cũng cháy.
Mưa lún phún, lửa càng nóng nảy,
Gió càng cao, ngọn lửa càng cao.
Núi rừng đều bén, cháy ào ào,
Lửa nung đỏ, cả giới sáng tóe.

Việc cách mạng cũng là như thế,
Bước ban đầu là bước gian nan.
Nào đế quốc, mật thám, bọn quan,
Đều là lũ ra tay phá hoại.
Hở một chút, tức là thất bại,
Sai một ly là hại cho dân.
Sòng khi cách mạng đã vững chân,
Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như tòa núi lửa,
Sẽ rầm rầm như ngọn thủy triều,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói.
Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi,
Chiếu lá cờ độc lập, tự do!

Báo Việt Nam độc lập,
số 133, ngày 1-8-1942

TẶNG TOÀN QUYỀN ĐỒ CU

Non nước Rộng Tiên rõ mịt mù,
Lợi quyền phó mặc bố thằng Cu.
Đối dân Nam Việt thì lên mặt,
Gặp bọn Phù Tang chỉ đội khu!*

Về Pháp, không cơm e chết đói,
Ở đây, hút máu béo ni-nu.
Cũng như thống chế Pêtanh vậy,
Chứ cứ cu cù được mãi ru!

Báo Việt Nam độc lập,
số 134, ngày 11-8-1942.

* Đội khu: là đội đít, Phù Tang là Nhật.

CHƠI GIĂNG

Gặp tuần trăng sáng, dạo chơi giảng,
Sẵn nhả vài câu hỏi chị Hằng:
"Non nước tôi bởi sao vậy nhỉ?
Nhân dân cực khổ biết hay chẳng?
Khi nào kéo được quân anh dũng,
Để dẹp cho tàn bọn nhỏ nhăng?
Nam Việt bao giờ thì giải phóng
Nói cho nghe thử, hỡi cô Hằng?"

*

Nguyệt rằng: "Tôi kính trả lời ông:
Tôi đã từng soi khắp núi sông,
Muốn biết tự do chầy hay chóng,
Thì xem tổ chức khắp hay không.
Nước nhà giành lại nhờ tài sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng.
Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi,
Tức là cách mệnh chóng thành công".

Báo Việt Nam độc lập,
số 135, ngày 21-8-1942.

TRẺ CHĂN TRÂU

Trên đồi cỏ mọc xanh xanh,
Một đàn cò đậu ngoài ghềnh xa xa,
Trâu bò lũ bảy, lũ ba,
Ven đồi chen chúc bụi già, cỏ non.
Chăn trâu mấy trẻ con con,
Cùng nhau xướng hát véo von trên gò:
"Vì ai, ta chẳng ấm no?
Vì ai, ta đã phải lo cơ hàn?
Vì ai, cha mẹ nghèo nàn?
Vì ai, nhà cửa, giang san tan tành?
Vì ai, ngăn cấm học hành?
Vì ai, ta phải chịu vònh dốt ngây?
- Ấy là vì Nhật, vì Tây
Ra tay vợ vết, đọa đầy chúng ta;

Làm ta tan cửa, nát nhà,
Trẻ con vất vả, người già đắng cay.
- Cùng nhau đánh đuổi Nhật, Tây.
Anh em ta mới có ngày vinh hoa.
"Nhi đồng Cứu quốc" Hội ta,
Ấy là lực lượng, ấy là cứu sinh.
Ấy là bộ phận Việt Minh,
Dân mình khắc cứu dân mình mới xong".

*

* *

Ai nghe mà chẳng động lòng,
Khá thương con trẻ mục đồng Việt Nam.

Báo Việt Nam độc lập,
số 144, ngày 21-11-1942.

BÀI CA DU KÍCH

Ào, ào, ào...

Ào, ào, ào...

Già nào,

Trẻ nào,

Lính nào,

Dân nào,

Đàn ông nào,

Đàn bà nào!

Kẻ có súng dùng súng,

Kẻ có dao dùng dao;

Kẻ có cuốc dùng cuốc,

Người có cào dùng cào,

Thấy Tây cứ chém phứa,

Thấy Nhật cứ chặt nhào.

Chúng nhiều là mấy vạn,

Mình mấy triệu đồng bào.

Chúng đường xa mỗi mệt,

Mình "dĩ dật đãi lao".

Làm cho chúng mòn mỏi,
Làm cho chúng tiêu hao.
Chúng nhất định thất bại
Mình sức càng dồi dào
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Du kích ngày càng mạnh
Du kích ngày càng cao.
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...

Năm 1942

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 42-43

TẶNG CHÁU NÔNG THỊ TRUNG

Vở này ta tặng cháu yêu ta,
Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là.
Mong cháu ra công mà học tập,
Mai sau cháu giúp nước non nhà.

Năm 1944

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 47.

CẢM ƠN NGƯỜI TẶNG CAM

Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai*?

Tháng 1 năm 1946

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 48.

* *Khổ tận cam lai*: Hết đắng cay sẽ đến ngọt bùi.

THƠ TẶNG CÁC CHÁU NHI ĐỒNG

Bác mong các cháu “cho ngoan”,
Mai sau gìn giữ giang san Lạc – Hồng.
Sao cho nổi tiếng Tiên – Rồng,
Sao cho tỏ mặt nhi đồng Việt Nam.

Ngày 10 tháng 4 năm 1946

Báo Cứu quốc, số 239,
Ngày 14-5-1946.

THƠ KHEN TẶNG HAI EM
NHI ĐỒNG LIÊN LẠC
TRONG BỘ ĐỘI CHIẾN KHU II*

Gửi cháu Phạm Đỗ Hải

Bác được tin rằng:
Cháu làm liên lạc,
Bị giặc bắt được,
Lại trốn thoát ngay.
Mang hai lính Tây
Theo về bộ đội
Thế là cháu giỏi.
Biết cách tuyên truyền.
Bác gửi lời khen.
Khuyên cháu gắng sức,
Học hành, công tác,
Tiến bộ luôn luôn.
Gửi cháu cái hôn,
Và lòng thân ái.

Tháng 8 năm 1947

* Khu II trong kháng chiến chống Pháp gồm các tỉnh (cũ): Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu (B. T.)

THƠ TẶNG BA CỤ LÃO DU KÍCH Ở CAO BẰNG*

Tuổi cao chí khí càng cao,
Múa gươm giết giặc ào ào gió thu.
Sẵn sàng tiêu diệt quân thù,
Tiếng thom Việt Bắc ngàn thu lầy lừng.

Năm 1947

Theo bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*,
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, tr. 200.

* Nhân năm 1947, có ba cụ lão du kích ở Cao Bằng hăng hái xung phong cùng nhân dân giết giặc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng các cụ bài thơ trên đây (B.T.).

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày,
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Săn về thường chén thịt rừng quay,
Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

Năm 1947

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 51.

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Năm 1947

Theo bài in trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 52.

元 宵

今 夜 元 宵 月 正 圓
春 江 春 水 接 春 天
煙 波 深 處 談 軍 事
夜 半 歸 來 月 滿 船

Phiên âm

NGUYỄN TIÊU

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

Dịch nghĩa

RẼM THÁNG GIÊNG

Đêm nay, rằm tháng riêng, trăng vừa tròn,
Nước sông xuân tiếp liền với màu trời xuân.
Giữa nơi khói sóng thăm thẳm, bàn bạc việc quân,
Nửa đêm trở về, thuyền trở đầy ánh trăng.

Dịch thơ

RẼM THÁNG GIÊNG

**Rẻm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền***

Tháng 2 năm 1948

Viết bằng chữ Hán.

Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 175, tr. 103-104.

* Bản dịch của Xuân Thủy (B. T)

贈 武 公

我 中 孝 忠 慰 公 句 功
尋 言 盡 盡 欣 思 一 成
公 一 願 願 我 我 只 必
里 感 民 國 來 去 公 戰
千 百 事 事 公 公 贈 抗

Phiên âm

TẶNG VÕ CÔNG

*Thiên lý công tâm ngã,
Bích cảm nhất ngôn trung!
Sự dân nguyện tận hiếu,
Sự quốc nguyện tận trung.
Công lai ngã hân hỉ,
Công khứ ngã tư công.
Tặng công chỉ nhất cú:
"Kháng chiến tất thành công".*

Dịch nghĩa

TẶNG CỤ VÕ

Đường xa, nghìn dặm cụ đến tìm tôi,
Biết bao tình cảm ngụ trong một lời nói!
Thờ dân mong sao hết đạo hiếu,
Thờ nước mong sao hết đạo trung.
Cụ đến, tôi mừng rỡ,
Cụ về, tôi lại nhớ cụ.
Chỉ xin tặng cụ một câu này:
"Kháng chiến nhất định thành công".

Dịch thơ

TẶNG CỤ VÕ

Ngàn dặm cù tìm đến,
Một lời trăm cảm thông!
Thờ dân tròn đạo hiếu,
Thờ nước vẹn lòng trung.
Cụ đến tôi mừng rỡ,
Cụ đi, tôi nhớ nhung.
Một câu xin tặng cụ:
"Kháng chiến ắt thành công"

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.
Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 113-114

贈裴公

看書山鳥栖窗杆
批札春花照硯池
捷報頻來勞驛馬
思公即景贈新詩

Phiên âm

TẶNG BÙI CÔNG

*Khán thư sơn điểu thê song hãn,
Phê trát xuân hoa chiếu nghiễn trì,
Tiệp báo tần lai lao dịch mã,
Tư công tức cảnh tặng tân thi.*

Dịch nghĩa

TẶNG CỤ BÙI

Khi xem sách, chim rừng đậu ở song cửa sổ,
Lúc phê công văn, đóa hoa xuân soi bóng trong nghiên mực.
Luôn luôn phải về báo tin thắng trận, con ngựa trạm cũng vất vả.
Nhớ cụ, vừa tức cảnh thành bài thơ gửi tặng cụ.

Dịch thơ

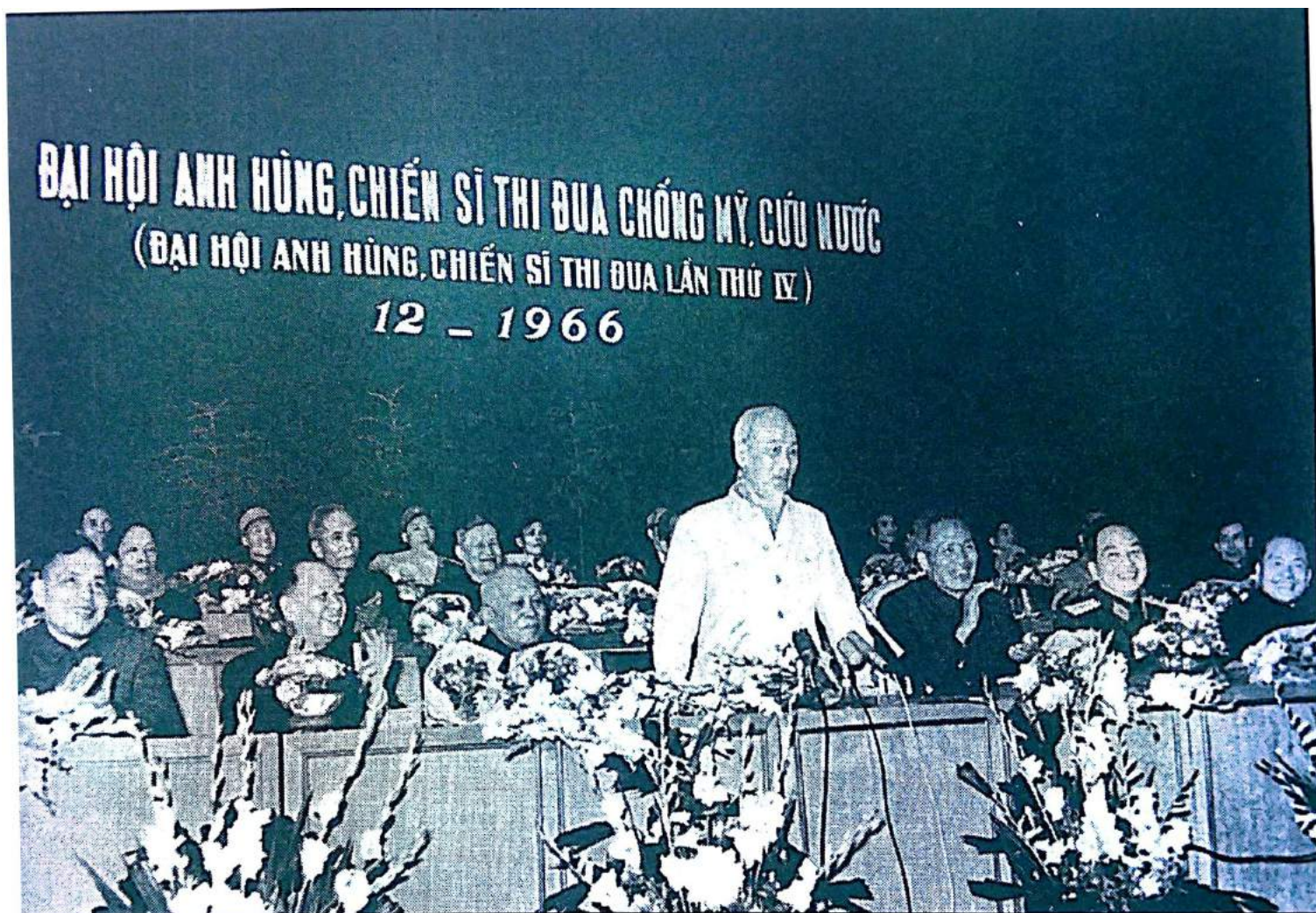
TẶNG CỤ BÙI

**Xem sách, chim rừng vào cửa đậu,
Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi.
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa,
Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài.**

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.

Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 107-108



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện tại lễ khai mạc Đại hội
Anh hùng và Chiến sĩ thi đua (30/12/1966)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

秋 夜

籌 劃 更 深 漸 得 閑
秋 風 秋 雨 報 秋 寒
忽 聞 秋 笛 山 前 響
游 擊 歸 來 酒 未 殘

Phiên âm

THU ĐẠ

*Trù hoạch canh thâm tiệp đắc nhàn,
Thu phong thu vũ báo thu hàn.
Hốt văn thu địch sơn tiền hưởng,
Du kích quy lai tửu vị tàn.*

Dịch nghĩa

ĐÊM THU

Bàn tính công việc, mãi đến canh khuya mới tạm được nghỉ ngơi,
Mưa gió mùa thu báo tin tiết thu lạnh đã đến.
Chợt nghe tiếng sáo thu từ phía trước núi vọng lại,
Bộ đội, du kích vừa về, cuộc rượu chưa tàn.

Dịch thơ

ĐÊM THU

**Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi,
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi.
Còi thu bỗng rúc vang từng núi,
Du kích về thôn, rượu chữa vơi.**

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.

Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 110-111.

報捷

月推窗問詩成未
軍務仍忙未做詩
山樓鐘響驚秋夢
正是聯區報捷時

Phiên âm

BÁO TIỆP

*Nguyệt thôi song vấn: - Thi thành vị?
- Quân vụ nhưng mang vị tố thi.
Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng,
Chính thị Liên khu báo tiếp thì.*

Dịch nghĩa

TIN THẮNG TRẬN

Trăng đầy cửa sổ hỏi: - Thơ xong chưa?

- Vẫn còn bận việc quân, chưa làm thơ được.

Bỗng tiếng chuông ở lầu trên núi khua tỉnh giấc mộng đêm thu,

Vừa hay là lúc có tin thắng trận ở Liên khu báo về.

Dịch thơ

TIN THẮNG TRẬN

**Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau,
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về.**

Năm 1948

Viết bằng chữ Hán.
Dịch và in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 106.

KHÔNG ĐỀ*

Vì nước chưa nên nghĩ đến nhà,
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già.
Chờ cho kháng chiến thành công đã,
Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta.

Năm 1949

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 58.

* Nhân ngày 19-5-1949, nhiều ý kiến đề nghị tổ chức Lễ mừng thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã trả lời bằng mấy câu thơ trên đây (B.T).

ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐÁY

Dòng sông lặng ngắt như tờ,
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo,
Chỉ nghe cọt két tiếng chèo thuyền nan.
Lòng riêng riêng những bàn hoàn,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.

Viết ngày 18-8-1949

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 59.

離 北 京

冀 北 天 心 懸 皓 月
心 隨 皓 月 共 悠 悠
皓 月 誰 分 爲 兩 半
半 隨 舊 友 半 征 夫

Phiên âm

LY BẮC KINH*

*Ký Bắc thiên tâm huyền hạo nguyệt,
Tâm tùy hạo nguyệt cộng du du.
Hạo nguyệt thùy phân vi lưỡng bán?
Bán tùy cựu hữu, bán chinh phu.*

11-3-1950

* Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật đi thăm Trung Quốc và Liên Xô. Ngày 11-3-1950, Người rời Bắc Kinh. Trên đường về nước, Người đã sáng tác chùm thơ này.

Dịch nghĩa

RỜI BẮC KINH

Giữa lòng trời Ký Bắc treo vàng trăng sáng trắng,
Lòng ta theo trăng sáng cùng man mác.
Vàng trăng sáng kia ai chia làm hai nửa?
Một nửa theo cùng bạn cũ, một nửa soi khách đường trường.

Dịch thơ

RỜI BẮC KINH

**Trời Kỳ Bắc treo vàng trắng rọi,
Lòng theo trắng vời vọi sáng ngời.
Vàng trắng ai xẽ làm đôi?
Nửa theo bạn cũ, nửa soi lữ hành. ***

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

過 湖 北

我 去 田 間 都 白 雪
我 來 田 麥 已 青 青
明 天 機 械 替 木 械
億 兆 農 家 樂 太 平

Phiên âm

QUÁ HỒ BẮC

*Ngã khứ điền gian đô bạch tuyết,
Ngã lai điền mạch dĩ thanh thanh.
Mình thiên cơ giới thế mộc giới,
Ức triệu nông gia lạc thái bình.*

12-3-1950

Dịch nghĩa

QUA HỒ BẮC

Khi ta đi ngoài đồng toàn là tuyết trắng,
Nay ta về lúa mạch ngoài đồng đã xanh xanh.
Ngày mai có cây máy thay thế cho cây gõ,
Úc triệu gia đình nông dân vui hưởng cảnh thái bình.

Dịch thơ

QUA HỒ BẮC

**Đồng ruộng khi đi đầy tuyết trắng,
Nay về lúa mạch đã xanh xanh.
Ngày mai cây máy thay cây gõ,
Úc triệu nhà nông hưởng thái bình. ***

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

過 長 沙

長 沙 過 去 是 沙 場
一 塊 樓 臺 一 點 傷
中 國 而 今 已 解 放
長 沙 此 後 免 桑 蒼

Phiên âm

THẬP TAM TẢO, QUÁ TRƯỜNG SA

*Trường Sa quá khứ thị sa trường,
Nhất khối lâu đài nhất điểm thương.
Trung Quốc nhi kim dĩ giải phóng,
Trường Sa thử hậu miễn tang thương.*

13-3-1950

Dịch nghĩa

SÓM MƯỜI BA, QUA TRƯỜNG SA^{*}

Trường Sa ngày trước là bãi sa trường,
Mỗi tòa lâu đài kia là một vết thương.
Ngày nay Trung Quốc đã được giải phóng,
Trường Sa từ nay về sau sẽ thoát khỏi cảnh đời dẫu bề.

^{*} Tỉnh lỵ tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc).

Dịch thơ

SỚM MUỖI BA, QUA TRƯỜNG SA

**Trường Sa ngày trước chốn sa trường,
Mỗi dãy lâu đài một vết thương.
Trung Quốc ngày nay đã giải phóng,
Trường Sa sẽ hết cảnh tang thương.***

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

午 過 遷 江

到 遷 江 說 遷 江
遷 江 江 岸 滿 春 霜
千 輛 敵 車 成 黑 燼
紅 軍 直 到 鎮 南 關

Phiên âm

NGỘ QUÁ THIÊN GIANG

*Đáo Thiên Giang, thuyết Thiên Giang,
Thiên Giang giang ngạn mãn xuân sương.
Thiên lưỡng địch xa thành hắc tận,
Hồng quân trực đáo trấn Nam Quan.*

17-3-1950

Dịch nghĩa:

BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG

Đến Thiên Giang thì nói chuyện Thiên Giang
Trên bờ Thiên Giang, sương xuân đã phủ đầy.
Hàng ngàn chiếc chiến xa của địch đều hóa thành tro đen,
Hong quân tiến thẳng đến Trấn Nam Quan.

Dịch thơ

BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG

**Đến Thiên Giang kể chuyện Thiên Giang,
Xuân tới bờ sông bát ngát sương.
Xe thù ngàn cổ thành tro xám,
Hong quân thẳng đến Trấn Nam Quan*.**

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

近 龍 州

遠 隔 龍 州 三 十 里
已 聞 炮 響 與 機 聲
越 南 民 眾 真 英 勇
抗 戰 必 勝 建 國 心 成

Phiên âm

CẬN LONG CHÂU

*Viễn cách Long Châu tam thập lý,
Dĩ văn pháo hưởng dĩ cơ thanh.
Việt Nam dân chúng chân anh dũng,
Kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành.*

29-3-1950

Dịch nghĩa

ĐẾN GẦN LONG CHÂU

Cách xa Long Châu ba mươi dặm,
Đã nghe tiếng đại bác vang dội và tiếng máy bay gầm rú.
Dân chúng nước Việt Nam thật là anh dũng,
Kháng chiến nhất định thắng lợi, kiến quốc nhất định thành công.

Dịch thơ

ĐẾN GẦN LONG CHÂU

**Còn cách Long Châu ba chục dặm,
Nghe tàu bay rú, pháo gầm rung.
Nhân dân nước Việt anh hùng thật,
Diệt thù, dựng nước ắt thành công*.**

Bản chụp bút tích thơ
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

* Bản dịch của Phan Văn Các.

SÁU MƯƠI TUỔI

Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán,
So với ông Bành vẫn thiếu niên.
Ăn khỏe, ngủ khỏe, làm việc khỏe,
Trần mà như thế kém gì tiên!

Năm 1950

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 60.

KHUYÊN THANH NIÊN*

Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.

Theo bài in trong sách thơ Bác Hồ,
Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr. 120.

* Trung tuần tháng 9-1950, trên đường đi chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm một đơn vị thanh niên xung phong đang làm đường phục vụ chiến dịch, Người đã làm bài thơ này tặng thanh niên.

無題

山徑客來花滿地
叢林軍到鳥沖天
軍機國計商談了
攜桶偕童灌菜園

Phiên âm

VÔ ĐỀ

Sơn kính khách lai, hoa mãn địa,
Tùng lâm quân đáo, điểu xung thiên.
Quân cơ, quốc kế thương đàm liễu,
Huê dũng giai đồng quán thái viên.

Dịch nghĩa

KHÔNG ĐỀ

Lúc khách lại, trên đường mòn bên núi, hoa nở đầy mặt đất,
Khi bộ đội đến, trong rừng rậm, đàn chim bay vút lên trời.
Việc nước, việc quân bàn bạc xong,
Xách thùng cùng chú bé ra vườn tưới rau.

Dịch thơ

KHÔNG ĐỀ

**Đường non khách tới hoa đầy,
Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.
Việc quân, việc nước đã bàn,
Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau***

*Theo bài in trong sách Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 30 - 31*

* Bản dịch của Xuân Thủy.

思 戰 士

更 深 露 急 如 秋 雨
晨 早 霜 濃 似 海 雲
快 送 寒 衫 給 戰 士
春 光 和 暖 報 新 春

Phiên âm

TƯ CHIẾN SĨ

*Canh thâm lộ chấp như thu vũ,
Thần tảo sương nồng tựa hải vân.
Khoái tống hàn sam cấp chiến sĩ,
Dương quang hòa noãn báo tân xuân.*

Dịch nghĩa

NHỚ CHIẾN SĨ

Đêm khuya, móc rơi dòn dập như mưa thu,
Sáng sớm, sương dày đặc như mây mặt biển.
Mau mau gửi áo rét cho chiến sĩ,
Ánh mặt trời ấm áp đã báo trước tin xuân mới sắp về.

Dịch thơ

NHỚ CHIẾN SĨ

**Đêm khuya móc tựa mưa thu,
Sớm sương dày đặc, mây mù biển dâng.
Mau mau gửi các chiến trường,
Áo cho chiến sĩ trên đường lập công.
Mặt trời tỏa ánh nắng hồng,
Báo tin xuân đến, mùa đông sắp tàn*.**

*Theo bài in trong sách Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 33.*

* Bản dịch của Sóng Hồng.

TẶNG CỤ ĐÌNH CHUÔNG DƯƠNG

Quan san muôn dặm gặp nhau đây,
Mục đích chung là đuổi Nhật, Tây.
Dân bị hai trùng vào một cổ,
Ta liều trăm đắng với ngàn cay.
Già dù yếu sức mang mang nhẹ,
Trẻ cố ra công gánh gánh đây.
Non nước của ta ta lấy lại,
Nghìn thu sự nghiệp nổi từ đây.

Liễu Châu, năm 1943

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 46.

對 月

窗 外 月 明 籠 古 對
月 移 樹 影 到 窗 前
軍 機 國 計 商 談 了
攜 枕 窗 旁 對 月 眠

Phiên âm

ĐỐI NGUYỆT

*Song ngoại nguyệt minh lung cổ thụ,
Nguyệt di thụ ảnh đáo song tiền,
Quân cơ, quốc kế thương đàm liễu,
Huê chẩm song bàng đối nguyệt miên.*

Dịch nghĩa

ĐÔI TRĂNG

Ngoài cửa sổ ánh trăng lồng trên cây cổ thụ,
Ánh trăng nhích dần bóng cổ thụ lại trước cửa sổ.
Việc quân, việc nước bàn bạc xong rồi,
Xách gối đến bên cửa sổ, nằm ngủ trước ánh trăng.

Dịch thơ

ĐÔI TRĂNG

**Ngoài song, trăng rọi cây sân,
Ánh trăng nhích bóng cây gần trước song.
Việc quân, việc nước bàn xong,
Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhòm***

Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 35.

* Bản dịch của Nam Trân.

登 山

攜 杖 登 山 觀 陣 地
萬 重 山 擁 萬 重 雲
義 兵 壯 氣 吞 牛 斗
誓 滅 豺 狼 侵 略 軍

Phiên âm

ĐĂNG SƠN

*Huề trượng đặng sơn quan trận địa,
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân.
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu Đẩu,
Thệ diệt sài lang xâm lược quân.*

1950

Dịch nghĩa

LÊN NÚI

Chống gậy lên núi xem trận địa,
Muôn trùng núi nâng đỡ muôn trùng mây,
Khí mạnh của nghĩa quân ta muốn nuốt cả sao Ngưu, sao Đẩu,
Thề diệt hết quân xâm lược sói lang.

Dịch thơ

LÊN NÚI

**Chống gậy lên non xem trận địa,
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đầu,
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy***

Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 37.

* Bản dịch của Xuân Diệu.

CHẾT VÌ ỒM ĐÒN

Tướng giặc Tátxinhi
Tháng trước về Pari,
Rồi thì nó khai ồm,
Không biết ồm bệnh chi?
Chắc là nó *ồm đòn*.
Nó chết mất thằng con,
Lại thua luôn mấy trận,
Ruột nó đã héo mòn.
Chiến dịch Quang Trung,
Tát thua lung tung,
Chiến dịch Đê Thám,
Tát thua mặt xám
Trận Lý Thường Kiệt,
Tát thua tê liệt,
Chiến dịch Hòa Bình,

Tát khoe khoang rinh:
"Phen này Pháp thắng,
Thật là hiển vinh!"
Kỳ thực Tát đã
Mất mười ba dinh*
Nội cảm, ngoại thương,
Tát đã óm đòn,
Vì luôn ta thắng,
Tát phải vào hòm.
Nên có thơ rằng:
Tátxinhi, Tátxinhi
Mi đã khôn hồn, mà chết đi!
Con mi đền tội, con mi chết,
Đền tội ngày nay, chết đến mi!

C. B.
Báo Nhân dân, số 42, ngày 24-1-1952.

* Dinh là tiểu đoàn.

MỪNG KÊNH VÔNGA - ĐÔNG HOÀN THÀNH (27-7-1952)

Xưa có câu:

Đào núi và đắp bể,
Luyện đá vá trời xanh,
Việc gì, dù khó mấy,
Quyết chí, ắt làm thành.

Ngày nay:

Chính sách Xtalín
Quyết xây dựng hòa bình,
Và gìn giữ hòa bình,
Tạo phúc cho dân sinh.

Cho nên:

Cuộc thi đua ái quốc
Cuốn toàn dân Xô - Liên,

Công nông và trí thức,
Phụ nữ và thanh niên,
Người người đều thi đua,
Góp sức và góp tiền.
Kết quả là:
Kênh đào Vônga - Đông,
Hôm nay mừng thành công,
Mấy xưởng điện khổng lồ
Tung điện ra khắp vùng*
Kênh hơn bảy trăm dặm**
Rất tiện cho giao thông,
Hăm tám triệu mẫu cát
Thành ruộng cho nhà nông.
Vì vậy:
Nước đã mạnh, thêm mạnh,
Dân đã giàu, càng giàu,
Thái bình và hạnh phúc,
Hưởng mãi muôn đời sau.

* Sức điện của riêng mấy xưởng ấy mạnh gấp rưỡi tổng số sức điện của nước Pháp.

** Dài 758 cây số. (Cả hai chú thích này là của tác giả).

*

* *

Nước ta đang kháng chiến
Để diệt lũ thực dân.
Khi kháng chiến thắng lợi,
Ta xây dựng dần dần.
Liên Xô đã bước trước,
Việt Nam sẽ tiến sau.
Ta ra sức thi đua,
Thành công ắt cũng mau.
Ta mừng Vônga - Đông,
Ta phát ngọn cờ hồng.
Và hô to:
Kháng chiến nhất định thắng lợi!
Kiến quốc nhất định thành công!

C. B.

Báo Nhân dân, số 69, ngày 7-8-1952.

七 九

人 未 五 旬 常 嘆 老
我 今 七 九 正 康 強
自 供 清 淡 精 神 爽
做 事 從 容 日 月 長

Phiên âm

THẤT CỬU

*Nhân vị ngũ tuần thường thán lão,
Ngã kim thất cửu chính khang cường.
Tự cung thanh đạm tinh thần sảng,
Tổ sự thung dung nhật nguyệt trường.*

1953

Dịch nghĩa:

BẢY CHÍN

Thường người ta chưa đến năm mươi tuổi đã tự than già,
Mình nay sáu mươi ba tuổi vẫn đang khỏe mạnh.
Sống cách thanh đạm tinh thần sáng suốt,
Làm việc thông dong, ngày tháng dài.

1953

Dịch thơ:

SÁU MƯƠI BA TUỔI

Chưa năm mươi đã kêu già,
Sáu ba, mình vẫn nghĩ là đương trai.
Sống quen thanh đạm nhẹ người,
Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung*

1953

Viết bằng chữ Hán.
Sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 193 - 194.

* Bản dịch của Xuân Thủy.

THƠ TRUNG THU GỬI CÁC CHÁU NHI ĐỒNG

9 Tết Trung Thu,
8 năm kháng chiến,
Các cháu khôn lớn,
Bác rất vui lòng.

Thu này Bác gửi thơ chung,
Bác hôn các cháu khắp vùng gần xa,
Thu này hơn những Thu qua,
Kháng chiến thắng lợi gấp ba, bốn lần.

Phát động nông dân,
Cải cách ruộng đất,
Dân đỡ chật vật,
Hăng hái tăng gia.

Xóm gần cho đến làng xa,
No cơm ấm áo, theo đà tiến lên.
Chinh huân, chinh quân,
Bộ đội cố gắng,
Quyết chiến quyết thắng,
Diệt giặc lập công.

Khắp nơi Nam, Bắc, Tây, Đông,
Đưa tin thắng trận cờ hồng tung bay.

Các cháu vui thay!
Bác cũng vui thay!

Thu sau so với Thu này vui hơn.

BÁC HỒ

Báo Nhân dân, số 136, từ ngày 16 đến ngày 20-9-1953.

KẾ HOẠCH NAVA ĐẦU VOI ĐUÔI CHÓ

Hôm 15 tháng mười,
Giặc Nava gằm thét,
Hắn mở trận Muét,
Hòng đánh chiếm Nho Quan,
Phái 20 tiểu đoàn,
Hòng đánh chiếm Thanh Hóa.
Hắn tuyên truyền bậy bạ:
"Trận này cực kỳ to,
"Không có gì gay go,
"Ta quyết tranh chủ động,
"Quyết lấy về chủ động".
Nhưng
Quân dân ta anh dũng,
Đánh cho giặc phải tan,
Đuổi chúng khỏi Nho Quan,
Ngăn chúng vào Thanh Hóa.

20 ngày ròng rã,
Diệt chúng gần 4 ngàn,
Kế hoạch Nava tan,
Thành đầu voi đuôi chó.
Tuy vậy
Kẻ thù đang còn đó,
Chó dại sẽ cắn càn,
Chúng ta chớ chủ quan,
Chúng ta chớ khinh địch.
Giặc có thể đột kích,
Chúng ta phải đề phòng,
Quân dân đoàn kết một lòng
Kháng chiến thắng lợi, cờ hồng tung bay.

C. B.

Báo Nhân dân, số 136, từ ngày 16 đến ngày 20-11-1953.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm tranh miền Nam
tại CLB Thống Nhất (10-1968)

Ảnh: TTXVN

尋 友 未 遇

百 里 尋 君 未 遇 君
馬 歸 踏 碎 嶺 頭 雲
歸 來 偶 過 山 梅 樹
每 朵 黃 花 一 點 春

Phiên âm

TÀM HỮU VỊ NGỘ

Bách lý tầm quân vị ngộ quân,
Mã đề đạp toái lĩnh đầu vân.
Quy lai ngẫu quá sơn mai thụ,
Mỗi đoá hoàng hoa nhất điểm xuân.*

* Thực lục thập công lý.

Dịch nghĩa

TÌM BẠN KHÔNG GẶP

Trăm dặm* tìm anh mà chẳng gặp anh,
Vó ngựa dầm vớ những áng mây trên đầu núi.
Trở về, tình cờ qua một cây mai rừng,
Mỗi đoá hoa vàng là một điểm xuân.

* Thực ra là sáu mươi kilômét.

Dịch thơ

TÌM BẠN KHÔNG GẶP

**Trăm dặm tìm không gặp cố nhân,
Mây đèo dẫm vỡ ngựa chồn chân.
Đường về chợt gặp cây mai núi,
Mỗi đóa hoa vàng một nét xuân*.**

Viết bằng chữ Hán khoảng đầu năm 1954.

Sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 195 - 196.

* Phan Văn Các dịch.

QUÂN TA ĐOÀN KẾT Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ

20 tháng 11 năm cũ.

Giặc Pháp nhảy dù Điện Biên Phủ.
Hăm một tiểu đoàn tinh nhuệ nhất,
Xe tăng, súng lớn đầy chồng chất.
Chúng khoe rằng: "Kế hoạch Nava
Thật là mạnh dạn và tài hoa.
Phen này Việt Minh phải biết tay,
Quan thầy Mỹ thì vui lòng thay!"
Các báo phản động khắp thế giới
Inh ỏi tâng bốc Nava tới.

*

* *

Bên ta thì:

Bộ đội, dân công quyết một lòng,
Xẻ non, đắp suối, vượt qua sông,
Khắc phục khó khăn và hiểm trở;
Đánh cho giặc tan mới hả dạ;
Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày,
Không quản gian khổ và đắng cay;
Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ,
Đã hứa với Bác, Đảng, Chính phủ.

*

* *

13 tháng 3 ta tấn công,
Giặc còn ở trong giấc mơ nông:
"Mình có thầy Mỹ lo cung cấp;
Máy bay cao cao, xe tăng thấp,
Lại có Nava cùng Cônhi,
Những tay tướng giỏi nắm chỉ huy.
Chúng mình chuyển này nhất định thắng,
Việt Minh ắt thua chạy quỳnh cẳng".

*

* *

Hơn 50 ngày, ta đánh đồn,
Ta chiếm một đồn lại một đồn,
Quân giặc chống cự tuy rất hăng,
Quân ta anh dũng ít ai bằng.
Nava, Cônhi đều méo mặt,
Quân giặc tan hoang ta vây chặt.
Giặc kéo từng loạt ra hàng ta.
Quân ta vui hát "khải hoàn ca".
Mười ba quan năm đều hàng nốt,
Tên tướng chỉ huy cũng bị nhốt.
Một vạn sáu ngàn tên giặc Tây,
Đều là tù binh hoặc bỏ thây.

*
* *

Thế là quân ta đã toàn thắng
Toàn thắng là vì rất cố gắng.
Chiến sĩ viết thư dâng Cụ Hồ:
"Xin Bác vui lòng mà nhận cho
Món quà chúc thọ sinh nhật Bác,
Chúng cháu cố gắng đã sắm được".

C. B.

Báo Nhân dân, số 184, từ ngày 12 đến ngày 15-5-1954.

NỮ ANH HÙNG NGUYỄN THỊ BƯỞI*

Người Long Động, tỉnh Quảng Yên;
Hai mươi bốn tuổi, tính hiền và ngoan,
Từ ngày giặc đánh vào làng,
Chị đánh du kích tỏ gan anh hùng.
Việc gì chị cũng xung phong,
Khiến cho đồng đội càng hăng thêm nhiều.
Chiến tranh càng khó bao nhiêu,
Tinh thần càng vững, càng nhiều chiến công.
Khi đánh giặc, khi giao thông,
Tuyên truyền, tổ chức, chị không ngại nề.
Một hôm, khai hội ra về,
Chẳng may địch bắt, không hề khai ra.
Chúng dùng đủ cách khảo tra,
Rồi cho lính hiếp suốt 3, 4 tuần.
Chém cha lũ giặc bất nhân,
Chúng toan bắn chị ở chân ngôi đình.

* Anh hùng liệt sĩ Mạc Thị Bưởi. Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, thôn Long Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách thuộc Quảng Yên (nay Nam Sách thuộc tỉnh Hải Dương).

Nghĩ rằng mình chết đã đành,
Còn tài liệu Đảng giấu quanh mái nhà?
Chị bèn một chước nghĩ ra:
Xin về lấy súng đảng mà báo tin.
Đến làng, gặp một người quen,
Thừa cơ chị đã đưa tin rõ ràng.
Rồi quay mặt lại đường hoàng,
Chửi vào mặt giặc, giặc càng căm gan.
Chúng liền đập chị ngã lăn,
Đưa dao khoét vú, đưa chân giẫm đầu.
Đưa thì tay đỡ chậu thau,
Đưa thì mổ chị từ đầu đến chân!
Chị luôn giữ vững tinh thần,
Hô to khẩu hiệu, chửi quân bạo tàn.
Vì lòng yêu nước nồng nàn,
Nêu gương oanh liệt muôn ngàn đời sau.

C. B.

Báo Nhân dân, số 415, ngày 21-4-1955.

"CHINH PHỤ NGÂM" MỚI

Thuở phe phái hục nhau túi bụi,
Đồng bào Nam nhiều nổi truân chuyên.
Vì Ngô Đình Diệm rồ điên,
Mỹ kia can thiệp, mà nên nỗi này.
Hàng nghìn dân chết lây vô tội,
Hàng muôn người hấp hối bị thương.
Mười muôn nhà cháy ngổn ngang,
Đầy trời khói lửa, đầy đàng tàn tro.
Thương hại cho đồng bào công giáo,
Bị Xa tăng lừa đảo di cư,
Nhà tan, cửa hết, xác xơ,
Gặp cơn loạn lạc, trông nhờ vào ai!

Trộm cướp lại thẳng tay giết hại,
Chúng nhắm vào các trại di cư,
Kêu trời, trời chỉ làm ngơ,
Đoái kêu làng xóm, bây giờ xa xăm!
Bi thảm thay, hàng trăm em nhỏ,
Bị bắn vào võ sọ, tan xương.
Nhiều em chết gục bên đường,
Nhiều em chết cháy, thảm thương xiết nào!
Căm thù này trả sao đây nhỉ?
Nhân dân ta nhất trí kết đoàn,
Đuổi quân can thiệp hung tàn,
Chúng ta *thống nhất* giang san nước nhà,
Nước nhà ta, ta làm người chủ,
Vận mệnh ta, ta giữ trong tay,
Nước non vẫn nước non này,
Cờ treo *độc lập*, nền xây *hòa bình*.

C. B.

Báo Nhân dân, số 429, ngày 6-5-1955.

詠 萬 里 長 城

聽 說 長 城 萬 里 長
頭 連 東 海 尾 西 疆
幾 千 百 萬 勞 動 者
建 築 斯 城 鎮 一 方

Phiên âm

THƠ VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH*

*Thính thuyết trường thành vạn lý trường,
Đầu liên Đông Hải vĩ Tây Cương.
Kỷ thiên bách vạn lao động giả,
Kiến trúc tư thành trấn nhất phương!*

Tạm dịch là:

**Thấy nói trường thành dài vạn dặm,
Đầu từ Đông Hải cuối Tây Cương.
Hàng ngàn trăm vạn người lao động,
Xây đắp ngôi thành trấn một phương!**

*Sách Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch,
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1956, t. III, tr. 168.*

* Nhân dịp sang thăm Trung Quốc, ngày 6-7-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đoàn đại biểu Chính phủ ta dừng lại xem Vạn lý trường thành ở phía đông bắc thủ đô Bắc Kinh, Người có làm bài thơ ghi cảm tưởng như trên.

KIỀU BÀO YÊU NƯỚC

Kiều bào ta ở trọ các nước tư bản, thường bị uy hiếp hoặc lợi dụng. Nhưng tối đại đa số kiều bào là những người yêu nước, kiên quyết và bền bỉ đấu tranh cho Tổ quốc.

Vừa rồi, gần 2. 000 kiều bào ở Pháp, đủ các tầng lớp, trai có gái có, già có trẻ có, đã ký tên đòi đương cục miền Nam hiệp thương với Chính phủ ta, và đòi Chính phủ Pháp phải làm đúng Hiệp định Giơnevơ. Vậy có thơ rằng:

Gửi thân đất khách quê người,
Nhìn về cố quốc cách với trùng dương
Càng nhìn càng nhớ, càng thương,
Càng mong Tổ quốc thịnh cường vẻ vang,
Càng căm những kẻ gian ngoan
Nghe lời bọn Mỹ phá ngang hòa bình.
Mọi người đoàn kết đấu tranh,
Đòi Ngô Đình Diệm tán thành hiệp thương.
Hòa bình, thống nhất, độc lập, tự cường,
Sao vàng cờ đỏ dẫn đường chúng ta.
Mấy câu thuận miệng nô nôm na:
"Một lòng yêu nước bài ca kiều bào".

C. B.

Báo Nhân dân, số 530, ngày 15-8-1955.

桂林風景

桂林風景甲天下
如詩中畫畫中詩
山中樵父唱
江山客船歸
奇

胡志明一九
六一年五月

Phiên âm

QUẾ LÂM PHONG CẢNH⁵

*Quế Lâm phong cảnh giáp thiên hạ,
Như thi trung họa họa trung thi.
Sơn trung tiêu phu xướng,
Giang thượng khách thuyền quy.
Kỳ!*

Nhất cửu lục nhất niên ngũ nguyệt

Dịch nghĩa

PHONG CẢNH QUẾ LÂM

Phong cảnh Quế Lâm đẹp bậc nhất trong thiên hạ,
Khác nào tranh vẽ trong thơ, thơ trong tranh vẽ.
Trên núi, những người hái củi ca hát.
Dưới sông, thuyền khách trở về...
Thật kỳ lạ.

Ngày 12 tháng 5 năm 1961

Dịch thơ

PHONG CẢNH QUẾ LÂM

Quế Lâm phong cảnh tuyệt vời,
Thơ đan trong họa, họa cài trong thơ.
Tiêu phu trên núi hát ca,
Dưới sông thuyền khách vào ra:
Diệu kỳ!*

Ngày 12 tháng 5 năm 1961

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3. tr. 201-202.

* Phan Văn Các dịch.

詠太湖

西湖不比太湖美
太湖更比西湖寬
漁舟來去朝陽暖
桑稻滿田花滿山

Phiên âm

VỊNH THÁI HỒ⁶

*Tây Hồ⁷ bất tỷ Thái Hồ mỹ,
Thái Hồ cánh tỷ Tây Hồ khoan.
Ngư chu lai khứ triều dương noãn,
Tang đạo mãn điền, hoa mãn san.*

Dịch nghĩa

VỊNH THÁI HỒ

Tây Hồ không đẹp bằng Thái Hồ,
Thái Hồ lại rộng hơn Tây Hồ.
Thuyền đánh cá đi lại trong nắng sớm ấm áp,
Ruộng thì đầy dâu, lúa, núi thì đầy hoa.

Dịch thơ

VỊNH THÁI HỒ

**Tây Hồ khôn sánh Thái Hồ đẹp,
Thái Hồ rộng vượt Tây Hồ xa.
Thuyền cá đi về trong nắng sớm,
Ruộng đầy dâu lúa, núi đầy hoa*.**

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995, t. 3. tr. 203-204.

* Khương Hữu Dụng dịch.

THƠ TẶNG 11 CÔ GÁI SÔNG HƯƠNG*

Dũng dạc tay cầm khẩu súng trường,
Khôn ngoan dần trận khắp trong phường.
Bác khen các cháu dân quân gái,
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương.

Theo bài in trong sách *Quân khu IV:
Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
(1954-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr240.

* Tháng 2-1968, được tin 11 nữ dân quân tự vệ Thành phố Huế đã lập nhiều thành tích trong chiến đấu giải phóng thành phố, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khen tặng bốn câu thơ trên.

“ 二 勿 ”

原注：大夫同志們勸喻二勿：勿吸
煙，勿吃酒。自己題詩為證。

無煙無酒過新春
易使詩人化俗人
夢里吸煙吃美酒
醒來更奮振精神

Phiên âm

NHỊ VẬT

*(Nguyên chú: Đại phu đồng chí môn khuyến dụ "nhị vật":
vật hấp yên, vật ngật tửu. Tự kỷ đề thi vị chứng)*

*Vô yên, vô tửu quá tân xuân,
Dị sử thi nhân hóa tục nhân.
Mộng lý hấp yên, ngật mỹ tửu,
Tĩnh lai cánh phấn chấn tinh thần.*

Dịch nghĩa

HAI CHỜ

(Lời dẫn: Các đồng chí bác sĩ khuyên "hai chờ": chờ hút thuốc lá, chờ uống rượu. Tự mình đề thơ làm chứng)

Đón mừng xuân mới mà không có thuốc lá, không có rượu,
Rất dễ khiến cho nhà thơ hóa ra người phàm tục.
Trong giấc mộng thấy mình được hút thuốc lá và uống rượu ngon.
Lúc tỉnh ra thấy tinh thần thêm phần chán.

Dịch thơ

HAI CHỚ

**Thuốc không, rượu chẳng có mừng xuân,
Dễ khiến thi nhân hóa tục nhân.
Trong mộng thuốc thơm và rượu ngọt,
Tỉnh ra thêm phần chấn tinh thần*.**

Tháng 2-1968

Viết bằng chữ Hán
Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr81-82.

* Phan Văn Các dịch.

無題

三年不吃酒吹煙
人生無病是真仙
喜見南方連大勝
一年四季都春天

Phiên âm

VÔ ĐỀ

*Tam niên bất ngật tửu xuy yên,
Nhân sinh vô bệnh thị chân tiên.
Hỷ kiến Nam phương liên đại thắng,
Nhất niên tứ quý đồ xuân thiên.*

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

Đã ba năm rồi không uống rượu, không hút thuốc lá,
Ở đời không ốm đau chính là tiên thật sự!
Mừng thấy miền Nam thắng lớn liên tiếp,
Một năm cả bốn mùa đều là Xuân.

Dịch thơ

KHÔNG ĐỀ

Thuốc kiêng, rượu cũ đã ba năm,
Không bệnh là tiên sướng tuyệt trần.
Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn,
Một năm là cả bốn mùa Xuân*.

Tháng 3-1968

Viết bằng chữ Hán,
Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr79-80.

* Khương Hữu Dụng dịch.

LỜI TẶNG NGÀNH XE QUÂN SỰ**

Yêu xe như con
Quý xăng như máu
Vượt mọi khó khăn
Hoàn thành nhiệm vụ.

BÁC HỒ

Tạp chí *Hậu cần*, tháng 9-1969, tr. 37.

* Ngày 5-8-1968, ngành Hậu cần quân đội tổ chức Hội nghị lái xe giỏi và thợ sửa chữa xe giỏi toàn quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề những dòng trên đây trên cờ tặng ngành xe quân sự.

Phần III
THƠ CHÚC TẾT

CHÚC NĂM MỚI

Tháng ngày thắm thoát chóng như thoi,
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới:
Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi;
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!
Chúc toàn quốc ta trong năm này,
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới!
Năm nay là năm rất vẻ vang,
Cách mệnh thành công khắp thế giới.

*Báo Việt Nam độc lập,
số 114, ngày 1-1-1942.*

MỪNG BÁO QUỐC GIA*

Tết này mới thật Tết dân ta,
Mấy chữ chào mừng báo *Quốc gia*.
Độc lập đầy vui ba cốc rượu,
Tự do vàng đỏ một rừng hoa.
Muôn nhà chào đón xuân dân chủ,
Cả nước vui chung phúc cộng hòa.
Ta chúc nhau rồi ta nhớ chúc,
Những người chiến sĩ ở phương xa.

Hà Nội – Tết Độc lập Bính Tuất, 1946
HỒ CHÍ MINH

Báo *Nhân dân*, số 9459,
Ngày 7-5-1980.

* Nhân dịp Tết Độc lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa báo Quốc gia - cơ quan ngôn luận của một nhóm nhân sĩ yêu nước xuất bản tại Hà Nội có đến xin thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã tặng báo bài thơ này.

THƯ GỬI PHỤ NỮ VIỆT NAM NHÂN DỊP XUÂN BÌNH TUẤT (1946)

Năm mới Bình Tuất
Phụ nữ đồng bào
Phải gắng làm sao
Gây “Đời sống mới”
Việc thành là bởi
Chúng ta siêng mần
Vậy nên chữ cần
Ta thực hành trước
Lại phải kiệm ước
Bỏ thói xa hoa
Tiền của dư ra
Đem làm việc nghĩa

Thấy của bất nghĩa
Ta chớ tham thàn*
Thế tức là liêm
Đã liêm thì khiết
Giữ mình làm việc
Quảng đại công bình
Vì nước quên mình
Thế tức là chính
Cần, kiệm, liêm, chính
Giữ được vẹn mười
Tức là những người
Sống “Đời sống mới”.

HỒ CHÍ MINH

Báo *Tiếng gọi phụ nữ*,
số Xuân Bính Tuất, năm 1946.

* Chúng tôi đã tra cứu nhiều bộ sách khác nhau, và quyết định để nguyên theo bộ sách Hồ Chí Minh toàn tập - Nxb Chính trị Quốc gia, 2009.

CHÚC NĂM MỚI

Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!

Năm Đinh Hợi (1947)

HỒ CHÍ MINH

Theo bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*,
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, t. 1, tr. 129.

THƠ CHÚC TẾT MẬU TÝ

Năm Hợi đã đi qua,
Năm Tý vừa bước tới.
Gửi lời chúc đồng bào,
Kháng chiến được thắng lợi;
Toàn dân đại đoàn kết,
Cả nước dốc một lòng;
Thống nhất chắc chắn được,
Độc lập quyết thành công.

Xuân Mậu Tý, 1948

HỒ CHÍ MINH

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 56.

THƠ CHÚC TẾT

Kháng chiến lại thêm một năm mới,
Thi đua ái quốc thêm tiến tới.
Động viên lực lượng và tinh thần.
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi.
Người người thi đua.
Ngành ngành thi đua.
Ngày ngày thi đua.
Ta nhất định thắng.
Địch nhất định thua.

Xuân Kỷ Sửu - 1949

HỒ CHÍ MINH

Báo *Sự thật*, số 106-107, Xuân Kỷ Sửu.

THƠ CHÚC NĂM MỚI

Kính chúc đồng bào năm mới,
Mọi người càng thêm phần khởi,
Toàn dân xung phong thi đua,
Đẩy mạnh cuộc chuẩn bị tới,
Chuyển mau sang tổng phản công,
Kháng chiến nhất định thắng lợi.

HỒ CHÍ MINH
Báo *Sự thật*, số 128, ngày 19-2-1950.

THƠ CHÚC TẾT

Xuân này kháng chiến đã năm xuân,
Nhiều xuân thắng lợi càng gần thành công.
Toàn dân hăng hái một lòng
Thi đua chuẩn bị, tổng phản công kịp thời.

Xuân Tân Mão (1951)

HỒ CHÍ MINH

Báo Cứu quốc, số 1748, ngày 5-2-1951

THƠ CHÚC TẾT

Xuân này, Xuân năm Thìn
Kháng chiến vừa 6 năm
Trường kỳ và gian khổ
Chắc thắng trăm phần trăm.

Chiến sĩ thi giết giặc
Đồng bào thi tặng gia
Năm mới thi đua mới
Thắng lợi ắt về ta.

Mấy câu thành thật nôm na
Vừa là kêu gọi vừa là mừng Xuân.

Xuân Nhâm Thìn 1952
Hồ Chí Minh
Báo Nhân dân, số 42, ngày 24-1-1952

THƠ CHÚC TẾT XUÂN QUÝ TỶ, 1953

Mừng năm Thìn vừa qua,
Mừng xuân Tỵ đã tới.
Mừng phát động nông dân,
Mừng hậu phương phấn khởi.
Mừng tiền tuyến toàn quân
Thi đua chiến thắng mới.
Mừng toàn dân kết đoàn,
Mừng kháng chiến thắng lợi.
Mừng năm mới, nhiệm vụ mới,
Lực lượng mới, nhiệm vụ mới,
Lực lượng mới, thành công mới.
Mừng toàn thể chiến sĩ và đồng bào,
Mừng phe dân chủ hòa bình thế giới.

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 95, từ ngày 11 đến ngày 15-2-1953

THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Thân ái mấy lời chúc Tết:
Toàn dân đoàn kết một lòng,
Miền Bắc thi đua xây dựng,
Miền Nam giữ vững thành đồng,
Quyết chí, bền gan phấn đấu,
Hòa bình, thống nhất thành công.

Ngày 1 tháng 1 năm 1956

HỒ CHÍ MINH.

Báo Nhân dân, số 670, ngày 2-1-1956.

THƠ MỪNG NĂM MỚI

Mừng Nhà nước ta 15 Xuân xanh!
Mừng Đảng chúng ta 30 tuổi trẻ!
Chúc đồng bào ta đoàn kết thi đua,
Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
Chúc đồng bào ta bền bỉ đấu tranh,
Thành đồng miền Nam vững bền mạnh mẽ.
Cả nước một lòng, hăng hái tiến lên,
Thống nhất nước nhà, Bắc Nam vui vẻ!

Xuân năm 1960
Hồ Chí Minh
Báo Nhân dân, số 2116, ngày 1-1-1960.

THƠ MỪNG NĂM MỚI

Năm Dân, mừng xuân thế giới,
Cả năm châu phấp phới cờ hồng.
Chúc miền Bắc thi đua phấn khởi,
Bốn mùa hoa Duyên Hải, Đại Phong.
Chúc miền Nam đấu tranh tiến tới,
Sức triệu người hơn sóng biển Đông.
Chủ nghĩa xã hội càng thắng lợi,
Hòa bình thống nhất quyết thành công.

Xuân Nhâm Dần 1962

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 2876, ngày 5-2-1962.

MỪNG TUỔI CÁC CỤ PHỤ LÃO*

*Tuổi già nhưng chí không già,
Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh.*

Báo Nhân dân, số 2878,
ngày 8-2-1962.

* Chiều mùng một Tết Nhâm Dần (5-2-1962), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm phòng trưng bày văn học và dự cuộc ngâm thơ mừng xuân của các cụ phụ lão và văn nghệ sĩ tại Văn Miếu (Hà Nội). Người đã đọc hai câu thơ trên mừng tuổi các cụ.

THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Mừng miền Nam rực rỡ chiến công,
Nhiều Dầu Tiếng, Bầu Bàng, Plâyme, Đà Nẵng...
Mừng miền Bắc chiến đấu anh hùng,
Giặc Mỹ leo thang ngày càng thua nặng.
Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng,
Tiền tuyến hậu phương, toàn dân cố gắng.
Thi đua sản xuất chiến đấu xung phong,
Chống Mỹ, cứu nước, ta nhất định thắng.

Xuân 1966

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 4289, ngày 1-1-1966.

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Thân ái gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

- Năm ngoái toàn dân ta đã đoàn kết chặt chẽ, ra sức chiến đấu, sản xuất và đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang.

- Chỉ tính đến tháng 11-1966, quân và dân miền Nam anh hùng đã loại khỏi vòng chiến đấu 34 vạn tên địch, trong đó tiêu diệt hơn 23 vạn tên, hơn 10 vạn tên là xâm lược Mỹ, bắn rơi và phá hủy hơn 1.900 chiếc máy bay địch, v. v..

- Quân và dân miền Bắc dũng cảm đã bắn tan xác hơn 1.600 máy bay giặc Mỹ.

- Những thắng lợi của chúng ta là do nhân dân ta tự lực cánh sinh là chính nhưng cũng không tách rời sự giúp đỡ chí tình của các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ nhiệt liệt của các nước bầu bạn và của nhân dân tiến bộ khắp thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Tôi xin thay mặt đồng bào và chiến sĩ ta gửi lời chúc năm mới đến anh em và bầu bạn ta khắp năm châu.

- Đối với đồng bào và chiến sĩ cả nước ta quyết đánh quyết thắng, càng đánh càng thắng, Bác có bài ca chúc năm mới như sau:

Xuân về xin có một bài ca,

Gửi chúc đồng bào cả nước ta

Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi,

Tin mừng thắng trận nở như hoa!

Xuân 1967

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 4651, ngày 1-1-1967.

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đưa hàng chục vạn quân trực tiếp xâm lược miền Nam nước ta và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta, nhân dân ta đoàn kết một lòng, kiên quyết đánh Mỹ, cứu nước, đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang.

Đến cuối năm 1967, quân và dân miền Nam anh hùng đã diệt, làm bị thương và làm tan rã hàng chục vạn quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu.

Quân và dân miền Bắc anh hùng đã bắn tan xác hơn 2.680 máy bay giặc Mỹ.

Sang năm nay, bọn Mỹ xâm lược càng bị động càng lúng túng, quân và dân ta thừa thắng xông lên, nhất định giành được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa.

Nhân dịp năm mới, tôi thay mặt đồng bào chiến sĩ ta, gửi lời chúc mừng đến các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bầu bạn và nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ, đã nhiệt liệt ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Tôi chúc kiều bào ta ở nước ngoài, năm mới cố gắng mới, tiến bộ mới!

Với đồng bào và chiến sĩ cả nước ta, tôi chúc mừng năm mới như sau:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta!*

Báo Nhân dân, số 5013, ngày 1-1-1968.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm tranh tại
Bảo tàng Mỹ thuật (25/12/1968)

Ảnh: Vũ Đình Hồng - Bảo tàng Hồ Chí Minh

戊申春節

四 月 百 花 開 滿 園
紅 紅 紫 紫 互 爭 妍
百 鳥 捉 魚 湖 里 去
黃 鶯 飛 上 天
天 上 閑 雲 來 又 去
忙 把 南 方 捷 報 傳

Phiên âm

MẬU THÂN XUÂN TIẾT

*Tứ nguyệt bách hoa khai mãn viên
Hồng hồng tử tử hồ tranh nghiên.
Bách điểu tróc ngư hồ lý khứ,
Hoàng oanh phi thượng thiên.
Thiên thượng nhàn vân lai hựu khứ,
Mang bả Nam phương tiệp báo truyền.*

Dịch nghĩa

TẾT MẬU THÂN

Tiết tháng tư trăm loài hoa nở đầy vườn,
Đỏ đỏ, tía tía, hoa đua nhau phô vẻ tươi.
Có con chim trắng sà xuống hồ để bắt cá,
Chim hoàng oanh thì lại bay thẳng lên trời.
Trên trời, những áng mây thong thả bay đến rồi bay đi,
Lòng rộn lên tin thắng trận ở miền Nam báo về.

Dịch thơ

TẾT MẬU THÂN

Tháng tư hoa nở một vườn đầy,
Tía tía hồng hồng đua sắc tươi.
Chim trắng xuống hồ tìm bắt cá,
Hoàng oanh vút tận trời.
Trên trời mây đến rồi đi,
Miền Nam thắng trận báo về tin vui*.

Ngày 14-4-1968

Viết bằng chữ Hán
Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*,
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr83-84.

* Phan Văn Các dịch.

ĐIỆN CHÚC TẾT CÁC ĐỒNG CHÍ CÁN BỘ ĐANG CÔNG TÁC TẠI PARI

*Xuân Gà tức tác đến nơi,
Gửi người thân thiết mấy lời mừng xuân.
Gà Xuân tức tác rạng đông,
Đưa tin thắng lợi cờ hồng bay cao.*

Xuân Kỷ Dậu
BÁC HỒ
Báo Nhân dân, số 5426, ngày 20-2-1969

CHÚ THÍCH

1. *Nhật ký trong tù*: Tháng 8-1942, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cao Bằng sang Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh và Phân bộ quốc tế chống xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Sau khi đến Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc), Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam. Trong hơn một năm trời, Người lần lượt bị giam trong khoảng 30 nhà tù của 13 huyện ở tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này, Người đã ghi *Nhật ký trong tù*, bằng chữ Hán.

Tập *Nhật ký* gồm 134 bài, được ghi vào một cuốn sổ tay, bìa màu xanh, trang đầu có vẽ hình hai cánh tay bị xích kèm theo bốn câu thơ:

*"Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao".*

Nhật ký trong tù lên án chế độ nhà tù hà khắc của chính quyền Tưởng Giới Thạch và thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tinh thần lạc quan cách mạng và tình cảm nhân đạo cộng sản chủ nghĩa cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một tác phẩm văn học lớn của một chiến sĩ cộng sản vĩ đại.

2. *Làng Pác Bó* thuộc xã Trường Hà, huyện Quảng Hà, tỉnh Cao Bằng. Đây là nơi có nhiều di tích lịch sử quan trọng của cách mạng nước ta; đặc biệt là hang Cốc Bó - nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày đầu Người từ nước ngoài trở về lãnh đạo cách mạng.

3. *Báo Việt Nam độc lập*: Cơ quan tuyên truyền của Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập.

Mục đích của tờ báo là "cốt làm cho dân ta biết, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng tự do" (*Việt Nam độc lập*, số 101 (tức số 1). Ngày 1-8-1941). Các bài đăng trên báo *Việt Nam độc lập* luôn luôn chứa mũi nhọn vào kẻ thù chính của dân tộc là phát xít Nhật - Pháp và bọn tay sai, tố cáo những tội ác dã man của địch, kịp thời vạch trần những âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của chúng trên mọi lĩnh vực. Tờ báo đã cổ động mọi tầng lớp nhân dân tham gia các Hội Cứu quốc như Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc... Báo cũng thường xuyên có các bài phân tích sâu sắc, nhạy bén về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, giúp cho cán bộ và nhân dân hiểu đúng tình hình và hành động đúng với chủ trương của Đảng.

Trong thời gian hoạt động ở Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho báo *Việt Nam độc lập* sự chỉ đạo trực tiếp và Người còn tham gia duyệt bài, viết bài, có khi cả việc trình bày, minh họa và in báo. Nhiều thơ ca của Người, lần đầu tiên in trên báo này và thường không ký tên. Báo *Việt Nam độc lập* dưới sự trực tiếp chỉ đạo và tham gia của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ số 1, ngày 1 - 8 - 1941 đến tháng 8 - 1942, Người ra nước ngoài công tác là trên 30 số, 400 bản, mỗi tháng ra 3 số, mỗi số trên 2 trang, khổ nhỏ, in đá. Báo *Việt Nam độc lập* số 1 đánh số 101 và tiếp theo 102,

103 với ý nghĩa kế tục lịch sử của những tờ báo cách mạng ra đời từ trước đó.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra nước ngoài công tác, đồng chí Phạm Văn Đồng được phân công trực tiếp chỉ đạo tờ báo đến tháng 4 - 1945.

Lúc đầu *Việt Nam độc lập* là của Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng. Sau này căn cứ địa cách mạng mở rộng ra hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn, báo *Việt Nam độc lập* trở thành cơ quan của liên tỉnh bộ Việt Minh - Cao Bằng - Bắc Kạn, từ số 229 đến số 286 (tức là số 129 đến 186), rồi liên tỉnh bộ Việt Minh ba tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn, từ số 287 đến số 325 (tức là số 187 đến số 225). Sau Cách mạng Tháng Tám, báo *Việt Nam Độc lập* tiếp tục xuất bản ở Cao - Bắc - Lạng, rồi Cao Bằng.

4. *Mặt trận Việt Minh* (hoặc Việt Minh): Là tên gọi của Hội Việt Nam độc lập đồng minh, được thành lập tại Pắc Bó, ngày 19-5-1941 theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước đó, và theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5-1941), nhằm mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp và phát xít Nhật. Hội gồm các thành viên là Đảng Cộng sản Đông Dương và các Hội Cứu quốc như Hội Công nhân Cứu quốc, Hội Nông dân Cứu quốc, Hội Thanh niên Cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Quân nhân Cứu quốc, Hội Phụ lão Cứu quốc, Hội Phật giáo Cứu quốc, Hội Nhi đồng Cứu quốc, vv... Đây là một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị và tôn giáo yêu nước, thành một lực lượng hùng mạnh để chống kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam lúc ấy là thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, theo chủ trương của Đảng nhằm mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất để kháng chiến và kiến quốc, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời (gọi tắt là Liên Việt). Việt Minh đã gia nhập Liên Việt cùng nhau vận động nhân dân tham gia cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Ngày 5-3-1951, tại Đại hội Mặt trận thống nhất dân tộc toàn quốc, đã thống nhất hai tổ chức Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên - Việt. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 9-1955, Mặt trận Liên - Việt được tổ chức lại thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. *Quê Lâm phong cảnh*: Là bài thơ vịnh cảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1961. Ngày 16-5 năm đó Người đi máy bay từ Hà Nội đến Quê Lâm. Quê Lâm là nơi sơn kỳ thủy tú, phong cảnh hữu tình nổi tiếng ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), từng có câu cổ ngữ "Quê Lâm phong cảnh giáp thiên hạ", nghĩa là phong cảnh Quê Lâm đứng bậc nhất thế giới. Đây là nơi Người từng hoạt động trong thời kỳ kháng Nhật. Trên máy bay Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại với đại sứ Trung Quốc Hà Vĩ cùng đi, về tình hình sinh hoạt của Người hồi 1940 ở Biện sự xứ của Bát lộ quân ở Quê Lâm. Người xúc động nói: "Thế mà đã hơn hai mươi năm rồi. Quê Lâm hẳn đã thay đổi tươi đẹp hơn trước nhiều".

Người đề bài thơ Quê Lâm này bằng bút lông trên giấy Tuyên chỉ, ký tên và ghi ngày tháng (16-5-1961) rồi đưa tặng Dung Hồ phạn điểm (Khách sạn Hồ cây đa) là nơi Người nghỉ lại.

Đầu đề là của chúng tôi (Ban biên soạn Hồ Chí Minh toàn tập) lấy bốn chữ đầu.

6. *Thái Hồ*: Hồ nước lớn thuộc địa phận hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang của Trung Quốc, còn có các tên gọi khác là Chấn Trạch, Cự Khu, Lạp Trạch, Ngũ Hồ, là ranh giới hai nước Ngô, Việt thời Xuân Thu. Diện tích mặt hồ rất rộng, có thuyết nói đến ba vạn sáu ngàn mẫu. Trong lòng hồ có hơn mười hòn đảo lớn nhỏ, nổi tiếng nhất là ba hòn: Động Đình Đông, Động Đình Tây và Mã Tích (dấu chân ngựa). Phong cảnh tươi đẹp, sơn kỳ thủy tú, tục gọi là "động thiên phúc địa". Nước hồ dâng lên về phía đông thành các con sông Lưu Hà, Hoàng Phố, Ngô Tùng đổ vào Trường Giang. Quanh các hồ đất đai màu mỡ, là khu vực giàu có của hai tỉnh Chiết Giang, Giang Tô. Ngày 17-5-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi thuyền du ngoạn cảnh hồ và viết bài thơ này.

7. *Tây Hồ*: Trung Quốc có nhiều hồ mang tên này, như Tây Hồ ở huyện Mâu Hầu, tỉnh Phúc Kiến, Tây Hồ ở huyện Thiên Môn, tỉnh Hồ Bắc, Tây Hồ ở huyện Huệ Dương, tỉnh Quảng Đông, Tây Hồ ở phía tây nam thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Tây Hồ tức Côn Minh Hồ ở phía tây Bắc Kinh... đều là những thắng cảnh. Tây Hồ nhắc đến hai lần trong bài này là thắng cảnh nổi tiếng nhất trong số đó, ở phía tây thành phố Hàm Châu tỉnh Triết Giang. Hồ này còn có nhiều tên khác: hồ Tiêu Đường, hồ Minh Thánh, hồ Kim Ngưu. Nhà thơ lớn Tô Thức có câu thơ "*Dục bả Tây Hồ tỷ Tây Tử*" (muốn ví Tây Hồ với nàng Tây Thi), nên cũng có tên gọi là Tây Tử Hồ. Ba phía có núi bao bọc, có hai đỉnh cao đối xứng sừng sững ở hai phương Bắc, Nam. Trong hồ có hai con đê, đê tên là đê Bạch, chia mặt nước hồ thành hồ Trong, hồ Ngoài và hồ Sau. Bốn mùa hoa thơm cỏ tươi, nổi tiếng về mười cảnh đẹp trong hồ (Tây Hồ thập cảnh).

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	7
LỜI TỰA CỦA NHÀ THƠ HỮU THỈNH	9
PHẦN I - NHẬT KÝ TRONG TÙ	
+ Bài 1	14
+ Bài 2: Khai quyền (Mở đầu tập nhật ký)	16
+ Bài 3: Tọa túc vịnh nhai bị khẩu lưu (Bị bắt giữ ở phố Túc Vinh)	18
+ Bài 4: Nhập Tĩnh Tây huyện ngục (Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây)	21
+ Bài 5-6-7: Thế Lộ nan (Đường đời hiểm trở)	23
+ Bài 8 - 9: Tảo (Buổi sớm)	27
+ Bài 10: Ngọ (Buổi trưa)	31
+ Bài 11: Vấn thoại (Lời hỏi)	33
+ Bài 12: Ngọ hậu (Quá trưa)	39
+ Bài 13: Vãn (Chiều hôm)	42
+ Bài 14: Tù lương (Cơm tù)	44
+ Bài 15: Nạn hữu xuy địch (Người bạn tù thổi sáo)	46
+ Bài 16-17: Cước áp (Cái cùm)	48
+ Bài 18-19-20: Học dịch kỳ (Học đánh cờ)	52
+ Bài 21: Vọng nguyệt (Ngắm trăng)	56
+ Bài 22: Phân thủy (Chia nước)	58
+ Bài 23 -24: Trung thu	60
+ Bài 25: Đồ (Đánh bạc)	64
+ Bài 26: Đồ phạm (Tù cờ bạc)	66

+ Bài 27: Nạn hữu mặc mỗ (Bạn tù họ Mạc)	68
+ Bài 28: Nạn hữu nguyên Chủ nhiệm L. (Bạn tù L. nguyên là Chủ nhiệm)	71
+ Bài 29: Song thập nhật giải vãng Thiên Bảo (Tết Song thập bị giải đi Thiên Bảo)	73
+ Bài 30: Tẩu lộ (Đi đường)	75
+ Bài 31: Mộ (Chiều tối)	77
+ Bài 32: Dạ tức Long Tuyền (Đêm ngủ ở Long Tuyền)	79
+ Bài 33: Điền Đông	81
+ Bài 34: Sơn đáo Thiên Bảo ngục (Mới đến nhà lao Thiên Bảo)	83
+ Bài 35: Nạn hữu chi thê thám giam (Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng)	85
+ Bài 36: Các báo: Hoan nghênh Uy Ky đại hội (Các báo đăng tin: Hội họp lớn hoan nghênh Uy Ky)	89
+ Bài 37: Tự miễn (Tự khuyên mình)	93
+ Bài 38: Dã cảnh (Cảnh đồng nội)	95
+ Bài 39: Chúc than (Hàng cháo)	98
+ Bài 40: Quả Đức ngục (Nhà lao Quả Đức)	100
+ Bài 41: Long An Lưu Sở trưởng (Sở trưởng Long An họ Lưu)	102
+ Bài 42 - 43: Tảo giải (Giải đi sớm)	104
+ Bài 44: Đồng Chính	108
+ Bài 45: Nạn hữu đích chỉ bị (Chiếc chăn giấy của người bạn tù)	110
+ Bài 46: Dạ lãnh (Đêm lạnh)	115
+ Bài 47: Bang (Dây trói)	118
+ Bài 48: Lạc liễu nhất chích nha (Rụng mất một chiếc răng)	120
+ Bài 49: Long An – Đồng Chính	122
+ Bài 50: Nhai thượng (Trên đường phố)	124

+ Bài 51: Lộ thượng (Trên đường)	126
+ Bài 52: Trung binh gia quyến (Gia quyến người bị bắt lính)	128
+ Bài 53: Giải trào (Pha trò)	130
+ Bài 54: Vãng Nam Ninh (Đi Nam Ninh)	132
+ Bài 55 – 56: Cảnh binh đảm trư đồng hành (Cảnh binh khiêng lợn cùng đi)	134
+ Bài 57: Diệt lạc (Hụt chân ngã)	138
+ Bài 58: Bán lộ tháp thuyền phó Ung (Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh)	140
+ Bài 59: Nam Ninh ngục (Nhà ngục Nam Ninh)	142
+ Bài 60: Nạp muện (Buồn bực)	144
+ Bài 61: Thính kê minh (Nghe gà gáy)	146
+ Bài 62: Nhất cá đồ phạm “nghạnh” liễu (Một người tù cờ bạc “chết cứng”)	148
+ Bài 63: Hựu nhất cá... (Lại một người nữa)	151
+ Bài 64: Cấm Yên (Cấm hút thuốc)	153
+ Bài 65: Dạ bán văn khốc phu (Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng)	155
+ Bài 66: Hoàng hôn	157
+ Bài 67: Công kim (Tiền công)	159
+ Bài 68: Thụy bắt trước (Ngủ không được)	163
+ Bài 69: Ưc hữu (Nhớ bạn)	166
+ Bài 70: Thế nạn hữu mẫn tả báo cáo (Viết hộ báo cáo cho các bạn tù)	168
+ Bài 71: Lại sang (Ghê lở)	170
+ Bài 72: Văn thung mễ thanh (Nghe tiếng giã gạo)	172
+ Bài 73 – 74 - 75: Song thập nhất (Ngày 11 tháng 11)	174
+ Bài 76: Cảnh báo (Báo động)	179
+ Bài 77: Chiết tự	181
+ Bài 78: “Lữ quán” (“Quán trọ”)	183

+ Bài 79: Tảo tình (Nắng sớm)	185
+ Bài 80: “Việt hữu tao động” (“Việt Nam có bạo động”)	187
+ Bài 81: Anh phỏng Hoa đoàn (Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa)	189
+ Bài 82: Giải vãng Vũ Minh (Giải đi Vũ Minh)	191
+ Bài 83: Bào Hương cầu nhục (Thịt chó ở Bào Hương)	193
+ Bài 84: Trúc lộ phu (Phu làm đường)	195
+ Bài 85: Ngục đình thiết ngã chi sĩ đích (Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta)	197
+ Bài 86: Công lý bi (Cột cây số)	199
+ Bài 87: Tân Dương ngục trung hài 22-11 (Cháu bé trong ngục Tân Dương 22-11)	203
+ Bài 88 - 89: Ký ni lô (Gửi Nêrô)	205
+ Bài 90: Đăng quang phí (Tiền đèn)	209
+ Bài 91: Ngục trung sinh hoạt (Sinh hoạt trong tù)	211
+ Bài 92: Quách tiên sinh (Tiên sinh họ Quách)	213
+ Bài 93: Mạc ban trưởng (Ban trưởng họ Mạc)	215
+ Bài 94: Thiên Giang ngục (Nhà lao Thiên Giang)	217
+ Bài 95: Thập hỏa xa vãng Lai Tân (Đáp xe lửa đi Lai Tân)	221
+ Bài 96: Tha tướng đào (Anh ấy muốn trốn)	223
+ Bài 97: Lai Tân	225
+ Bài 98: Đáo Liễu Châu (Đến Liễu Châu)	227
+ Bài 99: Cửu bất đệ giải (Giám lâu không được chuyển)	229
+ Bài 100: Dạ bán (Nửa đêm)	231
+ Bài 101: Liễu Châu ngục (Nhà ngục Liễu Châu)	233
+ Bài 102: Đáo trưởng quan bộ (Đến dinh trưởng quan)	234
+ Bài 103: Tứ cá nguyệt liễu (Bốn tháng rồi)	236
+ Bài 104: Bệnh trọng (Ôm nặng)	244

+ Bài 105: Đáo Quế Lâm (Đến Quế Lâm)	246
+ Bài 106: Nhập lung tiền (Tiền vào nhà giam)	249
+ Bài 107: ?!	251
+ Bài 108: ?	253
+ Bài 109: Đáo đệ tứ chiến khu chính trị bộ (Đến cục chính trị chiến khu IV)	255
+ Bài 110: Chính trị bộ cấm bế thất (Nhà giam của cục chính trị)	257
+ Bài 111: Mông ưu đãi (Được ưu đãi)	259
+ Bài 112: Triều cảnh (Cảnh buổi sớm)	261
+ Bài 113: Thanh Minh (Tiết Thanh Minh)	263
+ Bài 114: Vãn cảnh (Cảnh chiều hôm)	266
+ Bài 115: Ngũ khoa trưởng, Hoàng khoa viên (Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng)	268
+ Bài 116: Hạn chế (Bị hạn chế)	271
+ Bài 117: Dương Đào bệnh trọng (Dương Đào ốm nặng)	275
+ Bài 118: Bất miên dạ (Đêm không ngủ)	277
+ Bài 119: Cửu vũ (Mưa lâu)	279
+ Bài 120: Tích quang âm (Tiết ngày giờ)	281
+ Bài 121: Độc Tướng công huấn từ (Độc lời giáo huấn của ông Tướng)	283
+ Bài 122: Lương Hoa Thịnh tướng quân thắng nhậm phó tư lệnh (Tướng quân Lương Hoa Thịnh thắng chức phó tư lệnh)	285
+ Bài 123: Tặng tiểu Hầu (Hải) – (Tặng chú Hầu (Hải))	287
+ Bài 124 - 125: Thu cảm (Cảm thu)	289
+ Bài 126: Nhân đồ ngã (Nhân lúc đói bụng)	293
+ Bài 127: Trần khoa viên lai thám (Khoa viên họ Trần tới thăm)	295
+ Bài 128: Hầu Chủ nhiệm ân tặng nhất bộ thư (Chủ nhiệm họ Hầu tặng một bộ sách)	297

+ Bài 129: Mông thượng lệnh chuẩn xuất lung hoạt động (Được lệnh trên cho đi lại ngoài buồng giam)	299
+ Bài 130: Thu dạ (Đêm thu)	301
+ Bài 131: Tình thiên (Trời hừng)	305
+ Bài 132: Khán “Thiên gia thi” hữu cảm (Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”)	309
+ Bài 133: Tức cảnh	311
+ Bài 134: Kết luận	313
+ Bài 135: Mới ra tù tập leo núi	316

PHẦN II – NHỮNG BÀI THƠ KHÁC

- Quốc tế ca	321
- Pác Bó hùng vĩ	323
- Tức cảnh Pác Bó	324
- Khuyên đồng bào mua báo Việt Nam Độc lập	325
- Việt Nam độc lập	326
- Dân cày	327
- Phụ nữ	328
- Trẻ con	329
- Công nhân	330
- Mười chính sách của Việt Minh	333
- Ca binh lính	336
- Ca đội tự vệ	337
- Lịch sử nước ta	338
- Ca sợi chỉ	348
- Hòn đá	349
- Thương sơn (Lên núi)	351
- Con cáo và tổ ong	353
- Tặng thống chế Pêtanh	354
- Nhóm lửa	355
- Tặng toàn quyền Đờcu	357

- Chơi giăng	358
- Trẻ chăn trâu	360
- Bài ca du kích	362
- Tặng cháu Nông Thị Trung	364
- Cảm ơn người tặng cam	365
- Thơ tặng các cháu nhi đồng	366
- Thơ khen tặng hai em nhi đồng liên lạc trong bộ đội chiến khu II	367
- Thơ tặng ba cụ lão du kích ở Cao Bằng	368
- Cảnh rừng Việt Bắc	369
- Cảnh khuya	370
- Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)	371
- Tặng Võ Công	375
- Tặng Bùi Công (Tặng cụ Bùi)	378
- Thu dạ (Đêm thu)	383
- Báo Tiệp (Tin thắng trận)	386
- Không đề	389
- Đi thuyền trên sông Đáy	390
- Ly Bắc Kinh (Rời Bắc Kinh)	392
- Quá Hồ Bắc (Qua Hồ Bắc)	395
- Thập tam tảo, quá Trường Sa (Sớm mười ba, qua Trường Sa)	397
- Ngộ quá Thiên Giang (Buổi trưa qua Thiên Giang)	400
- Cận Long Châu (Đến gần Long Châu)	403
- Sáu mươi tuổi	406
- Khuyên thanh niên	407
- Vô đề (Không đề)	408
- Tư chiến sĩ (Nhớ chiến sĩ)	411

- Tặng cụ Đình Chương Dương	414
- Đối nguyệt (Đối trăng)	415
- Đăng sơn (Lên núi)	418
- Chết vì ốm đòn	421
- Mừng kênh Vônga - Đông hoàn thành (27-7-1952)	423
- Thất cửu (Bảy chín)	426
- Thơ Trung thu gửi các cháu nhi đồng	429
- Kế hoạch Nava đầu voi đuôi chó	431
- Tầm hữu vị ngộ (Tìm bạn không gặp)	435
- Quân ta đoàn kết ở Điện Biên Phủ	438
- Nữ anh hùng Nguyễn Thị Bưởi	443
- “Chinh Phụ Ngâm” mới	445
- Thơ vịnh Vạn Lý Trường Thành	448
- Kiêu bào yêu nước	449
- Quê Lâm phong cảnh (Phong cảnh Quê Lâm)	451
- Vịnh Thái Hồ	454
- Thơ tặng 11 cô gái sông Hương	457
- Nhị vật (Hai chớ)	459
- Vô đề (Không đề)	462
- Lời tặng ngành xe quân sự	464

PHẦN III - THƠ CHÚC TẾT

- Chúc năm mới	467
- Mừng báo Quốc gia	468
- Thư gửi phụ nữ Việt Nam nhân dịp xuân Bính Tuất	469
- Chúc năm mới	471
- Thơ chúc Tết Mậu Tý	472

- Thơ chúc Tết	473
- Thơ chúc năm mới	474
- Thơ chúc Tết	475
- Thơ chúc Tết	476
- Thơ chúc Tết xuân Quý Ty, 1953	477
- Thơ chúc mừng năm mới	478
- Thơ mừng năm mới	479
- Thơ mừng năm mới	480
- Mừng tuổi các cụ phụ lão	481
- Thơ chúc mừng năm mới	482
- Thư chúc mừng năm mới	483
- Thư chúc mừng năm mới	484
- Mậu Thân xuân tiết	487
- Điện chúc mừng các đồng chí cán bộ đang công tác tại Pari	490
CHÚ THÍCH	491

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 6

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM
(*Thơ*)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
TẠ DUY ANH
ĐÀO BÁ ĐOÀN

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
HẢI LY

In 8000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Giấy ĐKKHXB số: 438-2012/CXB/11-20/HNV
Quyết định xuất bản số: 638/QĐ-NXBHNV ngày 15-8-2012
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012